

BÁO CÁO

Công tác kiểm soát thủ tục hành chính, triển khai cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính và thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử quý II năm 2021

Căn cứ Thông tư số 01/2021/TT-VPCP ngày 21/10/2021 của Văn phòng Chính phủ về quy định chế độ báo cáo định kỳ và quản lý, sử dụng, khai thác Hệ thống thông tin báo cáo của Văn phòng Chính phủ; Quyết định số 381/QĐ-UBND ngày 18/02/2021 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc ban hành Kế hoạch kiểm soát thủ tục hành chính năm 2021; Công văn số 13022/UBND-KSTT ngày 11/12/2021 của UBND tỉnh Khánh Hòa về báo cáo công tác kiểm soát thủ tục hành chính, triển khai cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính và thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử.

Ủy ban nhân dân huyện Cam Lâm báo cáo tình hình, kết quả thực hiện công tác kiểm soát thủ tục hành chính, triển khai cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính và thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử quý II năm 2021, cụ thể như sau:

I. TÌNH HÌNH, KẾT QUẢ KIỂM SOÁT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH (TTHC)

1. Công tác chỉ đạo, tổ chức các nhiệm vụ kiểm soát thủ tục hành chính

Căn cứ Quyết định số 220/QĐ-UBND ngày 25/01/2021 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc ban hành Kế hoạch kiểm soát thủ tục hành chính năm 2021; UBND huyện Cam Lâm đã ban hành Quyết định số 237/QĐ-UBND ngày 08/02/2021 về việc ban hành Kế hoạch kiểm soát TTHC năm 2021; triển khai, chỉ đạo các cơ quan, đơn vị và địa phương xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện việc rà soát, đánh giá quy định, TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp huyện, cấp xã phù hợp với tình hình thực tế của đơn vị, địa phương. Trong 6 tháng đầu năm 2021, UBND huyện đã triển khai thực hiện 17/21 nhiệm vụ Kế hoạch.

Bên cạnh đó, UBND huyện ban hành các văn bản liên quan đến công tác kiểm soát thủ tục hành chính như sau: Công văn 1908/UBND ngày 26/4/2021 về

hướng dẫn thực hiện mẫu phiếu đánh giá việc giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông; Công văn số 2220/UBND-VP ngày 12/5/2021 về kiểm soát TTHC, triển khai cơ chế một cửa, một cửa liên thông và thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử. Trong các kỳ họp UBND huyện thường kỳ, các buổi họp giao ban tuần của UBND huyện, Chủ tịch UBND huyện thường xuyên nhắc nhở các cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện nghiêm việc tiếp nhận và giải quyết hồ sơ TTHC theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông theo đúng thời gian, quy trình giải quyết đã được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt, không để trễ hạn hồ sơ; việc tiếp nhận và giải quyết hồ sơ trên phần mềm Một cửa điện tử và hồ sơ giấy phải đồng bộ, thống nhất; thực hiện nghiêm các giải pháp phòng, chống dịch Covid-19 trong tiếp nhận, giải quyết TTHC...

2. Công khai TTHC

UBND huyện thường xuyên chỉ đạo thực hiện việc rà soát và công khai các TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện, UBND cấp xã trên Cổng Thông tin điện tử huyện theo đúng quy định. Các phòng, ban chuyên môn huyện, UBND các xã, thị trấn thực hiện tốt việc niêm yết công khai TTHC theo quy định tại Điều 14, Điều 15 và Phụ lục IV của Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Văn phòng Chính phủ; thường xuyên kiểm tra, rà soát tất cả các TTHC đang niêm yết công khai tại Bộ phận một cửa; thực hiện niêm yết mới hoặc sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ niêm yết theo Quyết định công bố TTHC của UBND tỉnh Khánh Hòa mới ban hành; đảm bảo công khai, minh bạch đầy đủ các TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện, cấp xã tại Bộ phận một cửa huyện và Bộ phận một cửa các xã, thị trấn.

Bên cạnh đó, khi nhận được các quyết định của UBND tỉnh về việc công bố danh mục TTHC của các lĩnh vực, UBND huyện ban hành các công văn chỉ đạo việc niêm yết công khai TTHC và triển khai thực hiện đối với các phòng chuyên môn liên quan, UBND cấp xã; trong đó, hướng dẫn rõ việc truy xuất dữ liệu của TTHC được công bố; thực hiện đăng thông tin của các TTHC mới công bố trên Trang thông tin điện tử huyện để công khai cho CBCC, người dân, tổ chức biết, thực hiện...

- Tổng số TTHC được UBND huyện thực hiện công khai tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả huyện là 269 thủ tục; UBND các xã, thị trấn thực hiện công khai tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả xã, thị trấn là 161 thủ tục.

3. Rà soát, đơn giản hóa TTHC

Thực hiện Quyết định số 220/QĐ-UBND ngày 25/01/2021 của UBND tỉnh Khánh Hòa về nội dung rà soát, đơn giản hóa TTHC năm 2021, UBND huyện Cam Lâm đã thực hiện rà soát, đánh giá đối với các TTHC lĩnh vực thi đua khen thưởng thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện, cấp xã thuộc lĩnh vực rà soát trọng tâm năm 2021 theo đúng quy định tại Chương V Nghị định số 63/2010/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung và Chương V Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Văn phòng Chính phủ, tập trung vào các nội dung: Sự cần thiết của TTHC và các quy định có liên quan đến TTHC; tính hợp lý (tên, trình tự thực hiện, cách thức thực hiện, hồ sơ, thời hạn giải quyết, đối tượng thực hiện, cơ quan giải quyết, phí - lệ phí, mẫu đơn - tờ khai, yêu cầu - điều kiện, kết quả thực hiện TTHC); tính hợp pháp. Kết quả rà soát đánh giá, UBND huyện đã báo cáo UBND tỉnh tại Báo cáo số 110/BC-UBND ngày 31/5/2021 theo đúng nội dung, thời gian quy định; đồng thời, đề xuất đơn giản hóa đối với thủ tục “Tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp huyện về thành tích thi đua theo đợt, chuyên đề”; cụ thể: Bỏ Bước 2 của Quy trình nội bộ ban hành kèm theo Quyết định số 393/QĐ-UBND ngày 20/02/2021 của UBND tỉnh Khánh Hòa; quy trình thực hiện đối với thủ tục này sau khi đơn giản hóa sẽ còn 05 bước (*thay vì 06 bước như trước đây*).

4. Tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị về quy định, TTHC

- Tiếp tục chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, UBND các xã, thị trấn thực hiện nghiêm việc niêm yết công khai địa chỉ cơ quan, số điện thoại chuyên dùng, địa chỉ email của Văn phòng UBND tỉnh để tiếp nhận phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính tại trụ sở cơ quan, đơn vị theo đúng mẫu tại Phụ lục 4, Quyết định số 381/QĐ-UBND ngày 18/02/2021 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc ban hành Kế hoạch kiểm soát TTHC năm 2021 (Mẫu nội dung công khai nội dung hướng dẫn thực hiện phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức).

- Thực hiện niêm yết công khai địa chỉ cơ quan, số điện thoại chuyên dùng, địa chỉ email của Văn phòng UBND tỉnh tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả huyện và đăng công khai trên Cổng Thông tin điện tử huyện.

- Tổng số phản ánh, kiến nghị đã tiếp nhận trong quý II năm 2021: 00; trong đó: số phản ánh, kiến nghị về quy định hành chính: 00, số phản ánh, kiến nghị về hành vi hành chính: 00.

5. Tình hình, kết quả giải quyết TTHC

a) Tình hình tiếp nhận, giải quyết TTHC của UBND huyện

- Tổng số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận, trong đó: Số mới tiếp nhận trong kỳ: 498 hồ sơ (*trực tuyến*: 183 hồ sơ; *trực tiếp và qua dịch vụ bưu chính*: 204 hồ sơ); số từ kỳ trước chuyển qua: 111 hồ sơ.

- Số lượng hồ sơ đã giải quyết: 447; trong đó, giải quyết trước hạn: 442 hồ sơ, đúng hạn: 0 hồ sơ, quá hạn: 05 hồ sơ.

- Số lượng hồ sơ đang giải quyết: 51 hồ sơ; trong đó, trong hạn: 49 hồ sơ, quá hạn: 02 hồ sơ.

b) Tình hình tiếp nhận, giải quyết TTHC của UBND các xã, thị trấn

- Tổng số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận, trong đó: Số mới tiếp nhận trong kỳ: 5.245 hồ sơ (*trực tuyến*: 1.666 hồ sơ; *trực tiếp và qua dịch vụ bưu chính*: 3.151 hồ sơ); số từ kỳ trước chuyển qua: 428 hồ sơ.

- Số lượng hồ sơ đã giải quyết: 4.656 hồ sơ; trong đó, giải quyết trước hạn: 4.578, đúng hạn: 0 hồ sơ, quá hạn: 78 hồ sơ.

- Số lượng hồ sơ đang giải quyết: 589 hồ sơ; trong đó, trong hạn: 476 hồ sơ, quá hạn: 113 hồ sơ.

c) Đánh giá việc giải quyết thủ tục hành chính

Thực hiện chỉ đạo quyết liệt của UBND huyện, các phòng chuyên môn, UBND các xã, thị trấn đã thực hiện nghiêm các quy định về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại cơ quan hành chính nhà nước; giải quyết hồ sơ trên Phần mềm một cửa điện tử - giải pháp kiến trúc mới không để xảy ra tình trạng hồ sơ thực hiện không đúng quy trình thủ tục quy định; cán bộ, công chức Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả khi giao tiếp với công dân đều thể hiện thái độ đúng mực, tận tình hướng dẫn công dân thực hiện các TTHC theo quy định.

Trong quý II năm 2021, UBND huyện đã thực hiện tốt việc giảm thiểu hồ sơ trễ hạn dưới 2%. Có 05 hồ sơ trễ hạn thuộc lĩnh vực: Đất đai; Kinh doanh khí, Hộ tịch; trong đó 01 hồ sơ trễ hạn lĩnh vực Kinh doanh khí là do công chức chậm xử lý trên Phần mềm, trên thực tế, hồ sơ vẫn được giải quyết cho người dân đúng và sớm thời gian quy định; đối với 02 hồ sơ cấp huyện bị trễ hạn do lỗi phần mềm (*Từ ngày 26/4/2021 đến ngày 28/4/2021 và 05/5/2021*) và đã báo Sở Thông tin và Truyền thông tại Công văn số 2588/UBND ngày 27/5/2021 của UBND huyện Cam Lâm về việc cung cấp hồ sơ tác nghiệp trên phần mềm Một cửa điện tử bị trễ hạn trong thời gian hệ thống bị sự cố; đối với 02 hồ sơ lĩnh vực đất đai còn lại trễ hạn tại Bước xác định nghĩa vụ tài chính, Văn phòng đăng ký đất đai Cam Lâm có yêu cầu Phòng Tài chính và Kế hoạch xác định phí bảo vệ

đất trồng lúa; do hồ sơ chuyển trên phần mềm và trước đây chưa có phát sinh yêu cầu này nên Phòng Tài chính và Kế hoạch không biết để thực hiện xác nhận kịp thời dẫn đến trễ hạn tại bước này. Tuy nhiên, tổng thời gian giải quyết của 02 hồ sơ này trên thực tế là sớm hạn; hồ sơ chỉ bị tính trễ hạn trên phần mềm.

Đối với cấp xã, có 78 hồ sơ TTHC trễ hạn, 49 hồ sơ quá hạn; tập trung chủ yếu các hồ sơ có yêu cầu trả bổ sung hồ sơ hoặc xác minh ở lĩnh vực Đất đai do quy trình xử lý phức tạp, cụ thể: hồ sơ tiếp nhận từ cấp xã nhưng việc chủ động xác minh thông tin thửa đất còn khó khăn vì thông tin chủ yếu ở cơ quan cấp trên nên khi liên thông hồ sơ lên cấp huyện thì thường xuyên bị trả về để xác minh lại thửa đất, đồng thời cán bộ, công chức phụ trách đôi khi chưa nắm rõ quy trình dừng tính trên phần mềm, trên thực tế, hồ sơ đang dừng tính để xác minh hoặc chờ bổ sung gây ảnh hưởng đến thời gian giải quyết của hồ sơ. Đồng thời, trong thời gian từ ngày 26/4/2021 đến ngày 28/4/2021 và 05/5/2021, phần mềm bị lỗi nên cũng ảnh hưởng đến tiến độ giải quyết các hồ sơ.

6. Triển khai cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC

Tiếp tục triển khai thực hiện Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC; Thông tư số 01/2018/TT- VPCP ngày 23/11/2018 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP.

Thực hiện Công văn số 3382/UBND-KSTT ngày 26/4/2021 của UBND tỉnh Khánh Hòa về kiểm soát TTHC, triển khai cơ chế một cửa, một cửa liên thông và thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử, UBND huyện đã ban hành Công văn số 2220/UBND-VP ngày 12/5/2021 chỉ đạo các cơ quan chuyên môn, UBND các xã, thị trấn triển khai thực nghiệm các nội dung liên quan đến thủ tục hành chính, giải quyết phản ánh, kiến nghị như: Thực hiện triệt để việc ký số kết quả giải quyết thủ tục hành chính và công nhận kết quả giải quyết thủ tục hành chính được ký số; thực hiện tiếp nhận, giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính có ký số, nhất là bản sao chứng thực điện tử; thực hiện tốt việc tiếp nhận, xử lý các hồ sơ trực tuyến được thực hiện từ Cổng Dịch vụ công Quốc gia, Cổng Dịch vụ công tỉnh; kịp thời xem xét, giải quyết các phản ánh, kiến nghị của người dân, doanh nghiệp trên Cổng Dịch vụ công quốc gia; xử lý dứt điểm và công khai kết quả xử lý các phản ánh, kiến nghị của người dân, doanh nghiệp theo đúng quy định...

*** Tình hình, kết quả thực hiện Đề án thực hiện liên thông các TTHC (đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú, hưởng chế độ tử tuất/hỗ trợ chi phí mai táng/hưởng mai táng phí)**

UBND huyện tiếp tục triển khai việc thực hiện Quyết định số 147/QĐ-UBND ngày 14/01/2019 của UBND tỉnh về việc ban hành Quy chế giải quyết liên thông các TTHC: Đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú, hưởng chế độ tử tuất/ hỗ trợ chi phí mai táng/ hưởng mai táng phí đối với UBND các xã, thị trấn và các cơ quan liên quan; công khai TTHC liên thông theo Quyết định số 147/QĐ- UBND ngày 14/01/2019 của UBND tỉnh trên Cổng thông tin điện tử huyện và tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của UBND các xã, thị trấn; tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến để Nhân dân trên địa bàn biết việc thực hiện liên thông các TTHC. Trong quý II năm 2021, UBND các xã, thị trấn đã tiếp nhận và giải quyết 41 hồ sơ liên thông các TTHC: Đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú, hưởng chế độ tử tuất/hỗ trợ chi phí mai táng/ hưởng mai táng phí.

b) Báo cáo kết quả thu thập ý kiến đánh giá của người dân tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả huyện

Thực hiện Công văn số 3382/UBND-KSTT ngày 26/4/2021 của UBND tỉnh Khánh Hòa về kiểm soát TTHC, triển khai cơ chế một cửa, một cửa liên thông và thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử; trong đó có nội dung “*Tổ chức đánh giá việc giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết hành chính; thu thập ý kiến đánh giá, tổng hợp kết quả đánh giá ý kiến của tổ chức, cá nhân; báo cáo kết quả đánh giá hàng quý (thay cho việc rà soát, đánh giá kết quả giải quyết hồ sơ TTHC hàng tháng tại Công văn số 10784/UBND-KSTT ngày 16/11/2017 của UBND tỉnh)*”; UBND huyện đã ban hành Công văn số 2220/UBND-VP ngày 12/5/2021 để chỉ đạo triển khai thực hiện.

- Số phiếu phát ra: 264 phiếu.

- Số phiếu thu vào: 85 phiếu; trong đó có: 80 phiếu được điền hợp lệ; 05 phiếu không hợp lệ.

- Điểm đánh giá của từng chỉ số:

+ Chỉ số 1: 129đ/80hs (Tư pháp: 24đ/12 hs; Đăng ký kinh doanh: 48đ/26 hs; KTHT: 6đ/5hs; Y tế: 16đ/8hs; đất đai 35/29 hs).

+ Chỉ số 2: 130đ/80hs (Tur pháp: 24đ/12hs; Đăng ký kinh doanh: 48đ/26hs KTHT: 6đ/5hs; Y tế: 16đ/8hs; đất đai 36đ/29hs).

+ Chỉ số 3: 127đ/80hs (Tur pháp: 24đ/12hs; Đăng ký kinh doanh: 51đ/26hs; KTHT: 5đ/5hs; Y tế: 16đ/8hs; đất đai 31đ/29hs).

+ Chỉ số 4: 129đ/80hs (Tur pháp: 24đ/12; Đăng ký kinh doanh: 49đ/26hs; KTHT: 6đ/5hs; Y tế: 16đ/8hs; đất đai 34đ/29hs).

+ Chỉ số 7: 155đ/80hs (Tur pháp: 24đ/12hs; Đăng ký kinh doanh: 52đ/26hs; KTHT: 6đ/5hs; Y tế: 16đ/8hs; đất đai 57đ/29hs).

(Đính kèm Mẫu số 3 – Bảng tổ hợp kết quả đánh giá giải quyết TTHC của Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả huyện)

c) Báo cáo kết quả tổ chức đánh giá việc giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính.

Thực hiện Công văn số 3382/UBND-KSTT ngày 26/4/2021 của UBND tỉnh Khánh Hòa về kiểm soát TTHC, triển khai cơ chế một cửa, một cửa liên thông và thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử; trong đó có nội dung *“Tổ chức đánh giá việc giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết hành chính; thu thập ý kiến đánh giá, tổng hợp kết quả đánh giá ý kiến của tổ chức, cá nhân; báo cáo kết quả đánh giá hàng quý (thay cho việc rà soát, đánh giá kết quả giải quyết hồ sơ TTHC hàng tháng tại Công văn số 10784/UBND-KSTT ngày 16/11/2017 của UBND tỉnh)”*; UBND huyện đã ban hành Công văn số 2220/UBND-VP ngày 12/5/2021 để chỉ đạo triển khai thực hiện. Các phòng chuyên môn, UBND các xã, thị trấn đã thực hiện nghiêm túc việc thu thập ý kiến và tổ chức đánh giá chất lượng giải quyết TTHC của cán bộ, công chức đơn vị trong Quý II; báo cáo kết quả thực hiện theo đúng nội dung, thời gian quy định.

- Kết quả đánh giá nội bộ: Trong Quý II, UBND huyện giải quyết trễ hạn 05/ 447 hồ sơ đã giải quyết, tỷ lệ trễ hạn 0,11%. Tất cả 05 hồ sơ đều trễ hạn trên phần mềm, trên thực tế, hồ sơ vẫn được giải quyết cho người dân đúng và sớm thời gian quy định, cụ thể:

+ 01 hồ sơ do công chức Phòng Kinh tế và Hạ tầng chậm xử lý trên phần mềm.

+ 02 hồ sơ lĩnh vực đất đai trễ hạn tại Bước xác định nghĩa vụ tài chính, hồ sơ chỉ bị tính trễ hạn trên phần mềm, tổng thời gian giải quyết của 02 hồ sơ này trên thực tế là sớm hạn.

+ 01 hồ sơ lĩnh vực hộ tịch và 01 hồ sơ lĩnh vực đất đai trễ hạn do lỗi phần mềm, trên thực tế, hồ sơ vẫn được giải quyết cho người dân đúng và sớm thời gian quy định.

Dựa trên kết quả thu thập Phiếu lấy ý kiến đánh giá của cá nhân, tổ chức tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả; kết quả giải quyết thủ tục hành chính của UBND huyện trong quý II; cán bộ, công chức tham gia giải quyết thủ tục hành chính của các phòng chuyên môn, công chức tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả huyện được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ.

7. Thực hiện TTHC trên môi trường điện tử

a) Kết quả giải quyết hồ sơ trực tuyến mức độ 3, 4

- UBND huyện: Tiếp nhận và giải quyết 189/436 hồ sơ TTHC trực tuyến mức độ 3, 4 được công bố (đạt tỷ lệ 43,3%).

- UBND các xã, thị trấn: Tiếp nhận và giải quyết 1.728/3.224 hồ sơ TTHC trực tuyến mức độ 3, 4 được công bố (đạt tỷ lệ 55,6%).

b) Kết quả giải quyết hồ sơ theo Nghị định số 45/2021/NĐ-CP

Tiếp tục thực hiện nghiêm nội dung Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020 của Chính phủ về thực hiện TTHC trên môi trường điện tử; thực hiện việc tiếp nhận, giải quyết TTHC trên môi trường điện tử theo đúng quy trình quy định tại Chương II, Nghị định số 45/2020/NĐ-CP.

Phòng Tư pháp, UBND các xã, thị trấn đã triển khai thực hiện nghiêm việc chứng thực bản sao điện tử từ bản chính theo quy định tại Điều 10, Nghị định số 45/2020/NĐ-CP. Tuy nhiên, đến nay trên địa bàn huyện chưa phát sinh hồ sơ công dân yêu cầu chứng thực bản sao điện tử. Trong thời gian tới, UBND huyện sẽ tiếp tục hướng dẫn, tăng cường công tuyên truyền để công dân biết, thực hiện.

8. Truyền thông hỗ trợ hoạt động kiểm soát TTHC

UBND huyện tiếp tục duy trì chuyên trang Kiểm soát TTHC tại địa chỉ <http://camlam.khanhhoa.gov.vn/vi/chuyen-muc-udcntt/cai-cach-hanh-chinh> trên Cổng thông tin điện tử huyện, theo đó toàn bộ TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND huyện được cập nhật, niêm yết điện tử trên chuyên trang theo đúng biểu mẫu quy định tại Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Văn phòng Chính phủ. Đồng thời, thực hiện tạo liên kết giới thiệu cổng Dịch vụ công Quốc gia (địa chỉ <https://dichvucong.gov.vn>) trên Trang chủ Cổng thông tin điện tử huyện tại địa chỉ <https://camlam.khanhhoa.gov.vn/>. Thực hiện

Banner truyền thông về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử tại địa chỉ <https://camlam.khanhhoa.gov.vn>.

Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến các quy định về kiểm soát TTHC thông qua các cuộc họp thường kỳ, giao ban tuần, hội nghị của UBND huyện. Phát các tin, bài liên quan đến kiểm soát TTHC trên Hệ thống Truyền thanh huyện; đăng tin, bài về các quy định pháp luật, chỉ đạo của cấp trên về công tác CCHC, kiểm soát TTHC và công khai báo cáo tình hình, kết quả thực hiện kiểm soát TTHC hàng quý trên Cổng Thông tin điện tử huyện.

Chỉ đạo Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn, UBND các xã, thị trấn quán triệt đến cán bộ, công chức, viên chức, người lao động đơn vị; phối hợp với các tổ chức đoàn thể tuyên truyền rộng rãi đến người dân các chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước, tuyên truyền công tác cải cách TTHC, về các quy định hành chính; tăng cường việc tuyên truyền đến tổ chức, cá nhân về quyền của tổ chức, cá nhân trong việc khai thác, sử dụng dữ liệu TTHC trên cổng dịch vụ công quốc gia; khai thác, sử dụng Hệ thống tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị.

Truyền tải sâu sắc, sinh động mục tiêu của Trung tâm Dịch vụ hành chính công trực tuyến tỉnh Khánh Hòa là giúp người dân, tổ chức, doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh “Một địa chỉ - Có tất cả”, “làm thủ tục không cần phải đến cơ quan nhà nước”, kết hợp trong công tác truyền thông phòng, chống dịch COVID-19 tại cơ quan, địa phương trên Cổng thông tin điện tử huyện.

9. Nghiên cứu, đề xuất sáng kiến cải cách TTHC

Trong quý II năm 2021, UBND huyện không có đề xuất sáng kiến cải cách TTHC.

10. Kiểm tra thực hiện kiểm soát TTHC

a) Số lần kiểm tra việc thực hiện kiểm soát TTHC; hình thức kiểm tra; kết quả kiểm tra

Thực hiện Quyết định số 381/QĐ-UBND ngày 18/02/2021 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc ban hành Kế hoạch kiểm soát thủ tục hành chính năm 2021; dự kiến quý III/2021 UBND huyện sẽ xây dựng kế hoạch kiểm tra công tác kiểm soát TTHC tại các cơ quan chuyên môn, UBND các xã, thị trấn trên địa bàn huyện.

b) Việc khen thưởng cán bộ, công chức có thành tích, việc xử lý cán bộ, công chức vi phạm quy định về kiểm soát thực hiện TTHC

Trong quý II/2021, trên địa bàn huyện Cam Lâm không có CBCC vi phạm quy định về kiểm soát thực hiện TTHC.

Về khen thưởng CCBC: Trong quý II/2021, không có CBCC trên địa bàn huyện được khen thưởng đột xuất do có thành tích xuất sắc trong thực hiện TTHC.

11. Thông kê cụ thể danh mục TTHC thực hiện công khai, tiếp nhận, giải quyết; danh mục TTHC thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông

(Đính kèm Danh mục TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện, UBND cấp xã được UBND huyện Cam Lâm, UBND các xã, thị trấn thuộc huyện Cam Lâm thực hiện công khai, tiếp nhận, giải quyết cơ chế một cửa, một cửa liên thông).

II. ĐÁNH GIÁ CHUNG

- Trong quý II năm 2021, hoạt động kiểm soát TTHC của các cơ quan chuyên môn, UBND các xã, thị trấn đã được thực hiện theo đúng Kế hoạch kiểm soát TTHC năm 2021 của UBND huyện. Công tác tiếp nhận hồ sơ và giải quyết TTHC tại các cơ quan, đơn vị được thực hiện theo đúng quy định, các TTHC đã được cập nhật kịp thời và niêm yết công khai theo quy định, phục vụ tốt việc tra cứu TTHC cho cá nhân, tổ chức trên tất cả các lĩnh vực. Các phòng chuyên môn, UBND các xã, thị trấn tiếp tục thực hiện tiếp nhận và giải quyết TTHC trên Phần mềm một cửa điện tử.

- Công tác kiểm soát TTHC đã đem lại hiệu lực, hiệu quả trong hoạt động quản lý hành chính nhà nước. Chất lượng phục vụ dịch vụ công ngày càng được nâng cao thông qua việc thực hiện và duy trì cơ chế một cửa, một cửa liên thông với các TTHC được cải cách theo hướng nhanh gọn, đơn giản, dễ thực hiện, đảm bảo 3 giảm: giảm thủ tục, giảm thời gian, giảm chi phí. Đồng thời, kết hợp với thái độ phục vụ tận tình, ý thức trách nhiệm trong thực thi công vụ của cán bộ, công chức đã tạo điều kiện thuận lợi cho các cá nhân, tổ chức đến giải quyết TTHC, chỉ số hài lòng ngày càng được nâng cao. Công tác kiểm soát TTHC ngày càng góp phần thúc đẩy và phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Bên cạnh những kết quả đạt được, hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính trên địa bàn huyện vẫn còn một số khó khăn, tồn tại và hạn chế, cụ thể:

- Công tác truyền thông về hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính còn hạn chế, chưa thực sự huy động được hết các nguồn lực địa phương, các cá nhân, tổ chức tham gia công tác cải cách thủ tục hành chính.

- Công tác cập nhật các thủ tục hành chính được ban hành mới, sửa đổi, bổ sung hoặc bãi bỏ còn gặp khó khăn do quy định của các thủ tục hành chính thường xuyên thay đổi.

- Tỷ lệ hồ sơ trễ hạn trong giải quyết thủ tục hành chính của UBND các xã còn cao, nhất là lĩnh vực đất đai do quy trình giải quyết hồ sơ đất đai còn phức tạp, thực hiện liên thông nhiều cơ quan và khó phân định nhiệm vụ của các cơ quan phối hợp nên gây khó khăn trong quá trình giải quyết hồ sơ, dễ dẫn đến trễ hạn hồ sơ; cán bộ, công chức thường tập trung thực hiện hồ sơ giấy nên chậm xử lý trên Phần mềm dẫn đến hồ sơ trễ hạn, trên thực tế các hồ sơ này vẫn được giải quyết cho người dân đúng thời gian quy định.

- Tỷ lệ hồ sơ giải quyết mức độ 3, 4 đạt so với chỉ tiêu tỉnh giao, tuy nhiên chủ yếu do cán bộ, công chức hỗ trợ thực hiện; do tâm lý của người dân cho rằng thời gian tìm hiểu và công sức bỏ ra để thực hiện nộp hồ sơ mức độ 3, 4 bằng hoặc nhiều hơn so với nộp hồ sơ trực tiếp; người dân thường không hiểu rõ các quy định về thủ tục hồ sơ, nhất là đối với lĩnh vực đất đai, cần hướng dẫn trực tiếp của cán bộ, công chức để điền hồ sơ và bổ sung các thành phần hồ sơ theo quy định.

- Việc triển khai thực hiện nhận, trả kết quả qua dịch vụ bưu chính tại UBND cấp xã còn hạn chế. Phần lớn do công dân là người địa phương và có nguyện vọng nhận kết quả trực tiếp tại UBND cấp xã.

- Hệ thống Cổng Trung tâm dịch vụ hành chính công có số lượng truy cập cả tỉnh nên trong những giờ cao điểm có số lượng hồ sơ nhiều thì hệ thống thường báo lỗi, truy cập chậm làm ảnh hưởng lớn đến hiệu quả, chất lượng giải quyết TTHC của các cơ quan, đơn vị tham gia tác nghiệp trên hệ thống.

- Việc triển khai mẫu phiếu đánh giá việc giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông gặp khó khăn do người dân không quan tâm đến việc điền vào phiếu đánh giá, vì vậy, số phiếu thu về rất thấp so với số phiếu phát ra (*cụ thể, trong quý II, từ ngày 26/4/2021 đến 14/6/2021, Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả huyện phát ra 264 phiếu nhưng thu về 85 phiếu – có 05 phiếu không hợp lệ*).

- Việc tổ chức đánh giá việc giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết hành chính theo Chương III, Thông tư số 01/2018/TT-VPCP chưa thể thực hiện đúng theo yêu cầu do chưa có chức năng đánh giá trực tuyến của Hệ thống thông tin một cửa điện tử; số lượng phiếu đánh giá thu thập được thấp so với số hồ sơ TTHC đã giải quyết nên khó đánh

giá đầy đủ mức độ hoàn thành nhiệm vụ của cán bộ, công chức trong việc giải quyết TTHC.

III. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ QUÝ III NĂM 2021

- Tiếp tục quán triệt, chỉ đạo các phòng chuyên môn huyện, UBND các xã thị trấn thực hiện nghiêm các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến công tác kiểm soát TTHC: Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát TTHC (đã được sửa đổi, bổ sung); Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ kiểm soát TTHC; Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC...

- Tiếp tục triển khai, thực hiện các nhiệm vụ kiểm soát TTHC năm 2021, nhất là các nhiệm vụ có tiến độ hoàn thành trong quý III năm 2021, đảm bảo hoàn thành tốt tất cả các nhiệm vụ được UBND tỉnh giao.

- Cập nhật kịp thời và niêm yết công khai tất cả các TTHC mới ban hành thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện, cấp xã tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện, cấp xã và Cổng thông tin điện tử huyện.

- Chỉ đạo quyết liệt các cơ quan chuyên môn huyện, UBND các xã, thị trấn thực hiện nghiêm việc tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính đảm bảo công khai, minh bạch; giải quyết thủ tục hành chính đúng thời hạn, thẩm quyền và trình tự thủ tục quy định trên tất cả các lĩnh vực thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện, cấp xã.

- Giải quyết kịp thời các phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức liên quan đến quy định hành chính, hành vi hành chính. Bảo đảm sự hài lòng cho tổ chức, cá nhân khi đến giải quyết TTHC trên địa bàn huyện.

- Xây dựng kế hoạch và tiến hành kiểm tra công tác kiểm soát thủ tục hành chính năm 2021 tại một số cơ quan chuyên môn thuộc huyện và UBND các xã, thị trấn.

IV. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

1. Về chức năng Thống kê trên Phần mềm

- Hiện nay, phần mềm có nhiều truy vấn thống kê khác nhau theo biểu mẫu quy định, tuy nhiên, số liệu của các bảng thường không được thống kê chính xác (*Cụ thể: Đối với hồ sơ đang giải quyết còn chồng chéo giữa hồ sơ*

đang giải quyết còn hạn và hồ sơ đang giải quyết quá hạn) gây khó khăn cho việc tổng hợp, báo cáo.

2. Về cập nhật lại các mẫu biểu của các thủ tục thuộc lĩnh vực đăng ký thành lập hộ kinh doanh

Kiến nghị Trung tâm Hành chính công trực tuyến tỉnh cập nhật lại các mẫu biểu của các thủ tục thuộc lĩnh vực đăng ký thành lập hộ kinh doanh theo Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT ngày 16/3/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư để thay thế các mẫu biểu theo Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015, cụ thể:

- Đăng ký thành lập hộ kinh doanh (đã có mã số thuế): Phụ lục III-1
- Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh - Giấy chứng nhận đăng ký thuế: Phụ lục III-1 và Mẫu số 03-ĐK-TCT
- Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh: Phụ lục III-2
- Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh - Đăng ký thuế: Phụ lục III-2 và Mẫu số 08-ĐK-TCT
- Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh: Phụ lục III-6
- Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh - Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký thuế: Phụ lục III-6 và Mẫu số 13-ĐK-TCT.

Trên đây là Báo cáo Công tác kiểm soát thủ tục hành chính, triển khai cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính và thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử quý II năm 2021 của UBND huyện Cam Lâm./.

(Đính kèm các Biểu mẫu 04b, 05a, 06b, 07b; Mẫu số 3 – Bảng tổ hợp kết quả đánh giá giải quyết TTHC của Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả huyện; Danh mục TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp huyện, cấp xã được thực hiện công khai, tiếp nhận, giải quyết cơ chế một cửa, một cửa liên thông).

Nơi nhận: (VBĐT)

- UBND tỉnh K/Hòa;
- P.KSTTHC- VP.UBND tỉnh;
- Các phòng chuyên môn huyện;
- UBND các xã, thị trấn;
- Công TTĐT (đăng tin);
- Lưu: VT, TD.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Ngô Văn Bảo

BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ GIẢI QUYẾT TTHC CỦA CÁN BỘ, CÔNG CHỨC

TÊN CƠ QUAN, ĐƠN VỊ: BỘ PHẬN TIẾP NHẬN VÀ TRẢ KẾT QUẢ HUYỆN CAM LÂM

TÊN TTHC:

MÃ SỐ DVC:

STT	Lĩnh vực giải quyết TTHC	Kết quả chấm điểm				
		Chỉ số 1	Chỉ số 2	Chỉ số 3	Chỉ số 4	Chỉ số 7
1	Lĩnh vực Tư pháp (12 hồ sơ)	24	24	24	24	24
2	Lĩnh vực Đăng ký kinh doanh (26 hồ sơ)	48	48	51	49	52
3	Lĩnh vực Kinh tế - Hạ tầng (5 hồ sơ)	6	6	5	6	6
4	Lĩnh vực Y tế (8 hồ sơ)	16	16	16	16	16
5	Lĩnh vực đất đai (29 hồ sơ)	35	36	31	34	57
	TỔNG CỘNG (80HS)	129đ/80hs	130đ/80hs	127đ/80hs	129đ/80hs	155đ/80hs

Biểu số II.05a/VPCP/KSTT

**KẾT QUẢ XỬ LÝ PHẢN ÁNH, KIẾN NGHỊ (PAKN)
VỀ QUY ĐỊNH HÀNH CHÍNH VÀ HÀNH VI HÀNH CHÍNH
TẠI CƠ QUAN, ĐƠN VỊ
Kỳ báo cáo: Quý II Năm 2021
(Từ ngày 15/3/2021 đến ngày 14/6/2021)**

- Đơn vị báo cáo:
UBND huyện Cam Lâm
- Đơn vị nhận báo cáo:
UBND tỉnh Khánh Hòa

Đơn vị tính: Số PAKN

Stt	Tên ngành, lĩnh vực có PANK	Số lượng PAKN được tiếp nhận					Kết quả xử lý PAKN								Số PAKN đã xử lý được đăng tải công khai
		Tổng số	Theo nội dung		Theo thời điểm tiếp nhận		Đã xử lý				Đang xử lý				
			Hành vi hành chính	Quy định hành chính	Từ kỳ trước	Trong kỳ	Tổng số	Theo nội dung		Theo thời điểm tiếp nhận		Tổng số	Hành vi hành chính	Quy định hành chính	
								Hành vi hành chính	Quy định hành chính	Từ kỳ trước	Trong kỳ				
(1)	(2)	(3)=(4)+(5)=(6)+(7)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)=(9)+(10)=(11)+(12)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)=(14)+(15)	(14)	(15)	(16)
0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
TỔNG CỘNG		0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0

Người lập

Cam Lâm, ngày 18 tháng 6 năm 2021
**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Thành Đức

Ngô Văn Bảo

**TÌNH HÌNH, KẾT QUẢ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
TẠI ĐƠN VỊ TRỰC TIẾP GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**

Kỳ báo cáo: Quý II Năm 2021

(Từ ngày 15/3/2021 đến ngày 14/6/2021)

- Đơn vị báo cáo:
UBND huyện Cam Lâm.

- Đơn vị nhận báo cáo:
UBND tỉnh Khánh Hòa

Đơn vị tính: Số hồ sơ TTHC

Stt	Lĩnh vực	Số lượng hồ sơ tiếp nhận				Số lượng hồ sơ đã giải quyết				Số lượng hồ sơ đang giải quyết		
		Tổng số	Trong kỳ		Từ kỳ trước	Tổng số	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn	Tổng số	Trong hạn	Quá hạn
			Trực tuyến	Trực tiếp, dịch vụ bưu chính								
(1)	(2)	(3)=(4)+(5)+(6)	(4)	(5)	(6)	(7)=(8)+(9)+(10)	(8)	(9)	(10)	(11)=(12)+(13)	(12)	(13)
I.	Tình hình, kết quả giải quyết TTHC thuộc phạm vi thẩm quyền của UBND huyện											
1	An toàn thực phẩm và Dinh dưỡng	3	0	1	2	3	3	0	0	0	0	0
2	Chứng thực	62	0	62	0	62	62	0	0	0	0	0
3	Đất đai	139	23	19	97	96	94	0	2	43	41	2
4	Hệ thống văn bản, chứng chỉ	7	7	0	0	7	7	0	0	0	0	0
5	Hộ tịch	54	46	4	4	53	51	0	2	1	1	0
6	Kinh doanh khí	4	1	0	3	4	3	0	1	0	0	0
7	Lưu thông hàng hóa trong nước	8	8	0	0	6	6	0	0	2	2	0
8	Môi Trường	2	0	2	0	2	2	0	0	0	0	0
9	Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử	2	2	0	0	2	2	0	0	0	0	0
10	Quản lý hoạt động xây dựng	1	0	1	0	0	0	0	0	1	1	0

Stt	Lĩnh vực	Số lượng hồ sơ tiếp nhận				Số lượng hồ sơ đã giải quyết				Số lượng hồ sơ đang giải quyết		
		Tổng số	Trong kỳ		Từ kỳ trước	Tổng số	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn	Tổng số	Trong hạn	Quá hạn
			Trực tuyến	Trực tiếp, dịch vụ bưu chính								
(1)	(2)	(3)=(4)+(5)+(6)	(4)	(5)	(6)	(7)=(8)+(9)+(10)	(8)	(9)	(10)	(11)=(12)+(13)	(12)	(13)
	Thành lập và hoạt động của hợp tác xã (liên hiệp hợp tác xã)	1	0	1	0	1	1	0	0	0	0	0
	Thành lập và hoạt động hộ kinh doanh	206	87	114	5	202	202	0	0	4	4	0
	Thi đua - khen thưởng	8	8	0	0	8	8	0	0	0	0	0
	Tiền lương	1	1	0	0	1	1	0	0	0	0	0
TỔNG CỘNG		498	183	204	111	447	442	0	5	51	49	2
II.	Tình hình, kết quả giải quyết TTHC thuộc phạm vi thẩm quyền của UBND xã (14 xã, thị trấn)											
1	Bảo trợ xã hội	347	149	117	81	279	278	0	1	68	68	0
2	Chứng thực	1.399	0	1.389	10	1.396	1.379	0	17	3	3	0
3	Công tác dân tộc	1	1	0	0	1	1	0	0	0	0	0
4	Đăng ký, quản lý cư trú	101	0	96	5	98	95	0	3	3	2	1
5	Đất đai	436	16	164	256	106	70	0	36	330	282	48
6	Giải quyết khiếu nại	2	0	2	0	1	1	0	0	1	1	0
7	Hộ tịch	2.937	1.496	1.369	72	2.753	2.732	0	21	184	184	0
8	Người có công	12	3	5	4	12	12	0	0	0	0	0
9	Phổ biến giáo dục pháp luật	3	0	3	0	3	3	0	0	0	0	0

Stt	Lĩnh vực	Số lượng hồ sơ tiếp nhận				Số lượng hồ sơ đã giải quyết				Số lượng hồ sơ đang giải quyết		
		Tổng số	Trong kỳ		Từ kỳ trước	Tổng số	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn	Tổng số	Trong hạn	Quá hạn
			Trực tuyến	Trực tiếp, dịch vụ bưu chính								
(1)	(2)	(3)=(4)+(5)+(6)	(4)	(5)	(6)	(7)=(8)+(9)+(10)	(8)	(9)	(10)	(11)=(12)+(13)	(12)	(13)
10	Thẻ dực thẻ thao	1	0	1	0	1	1	0	0	0	0	0
11	Thi đua - khen thưởng	6	1	5	0	6	6	0	0	0	0	0
TỔNG CỘNG		5.245	1.666	3.151	428	4.656	4.578	0	78	589	540	49

Ghi chú:

- Số hồ sơ giải quyết LT các TTHC (Đ.ký khai tử, xóa đ.ký thường trú, hưởng chế độ tử tuất/ hỗ trợ chi phí mai táng/ hưởng mai táng: 41

Người lập

Cam Lâm, ngày 18 tháng 6 năm 2021

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Thành Đức

Ngô Văn Bảo

Biểu số II.07b/VPCP/KSTT

**TỔNG HỢP SỐ LƯỢNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH VÀ KẾT QUẢ
THỰC HIỆN “4 TẠI CHỖ” TẠI BỘ PHẬN MỘT CỬA CỦA ĐỊA PHƯƠNG**

Kỳ báo cáo: Quý II Năm 2021
(Từ ngày 15/3/2021 đến ngày 14/6/2021)

- Đơn vị báo cáo:

UBND huyện Cam Lâm

- Đơn vị nhận báo cáo:

UBND tỉnh Khánh Hòa

KẾT QUẢ THỰC HIỆN “4 TẠI CHỖ” TẠI BỘ PHẬN MỘT CỬA CẤP XÃ, HUYỆN

Đơn vị tính: TTHC, %.

STT	Lĩnh vực	Cấp xã		Cấp huyện	
		Số lượng TTHC	Tỷ lệ	Số lượng TTHC	Tỷ lệ
1	Lĩnh vực chứng thực	2/11	18%	4/12	33%

Ghi chú: Các TTHC thuộc lĩnh vực chứng thực được thực hiện "4 tại chỗ" tại huyện Cam Lâm gồm:

a) UBND cấp xã

- Thủ tục chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam cấp hoặc chứng nhận.
- Thủ tục chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản,

b) UBND huyện

- Thủ tục chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam cấp hoặc chứng nhận
- Thủ tục chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận
- Thủ tục chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không ký, không điểm chỉ được)
- Thủ tục chứng thực chữ ký người dịch mà người dịch là cộng tác viên dịch thuật của Phòng Tư pháp

Người lập

Cam Lâm, ngày 18 tháng 6 năm 2021

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Thành Đức

Ngô Văn Bảo

UBND HUYỆN CAM LÂM**PHỤ LỤC****Danh mục TTHC được UBND huyện công khai, tiếp nhận, giải quyết cơ chế một cửa, một cửa liên thông**

TT	Thủ tục hành chính	Mã số TTHC trên Cổng dịch vụ công quốc gia	Lĩnh vực	Quyết định công bố danh mục TTHC của UBND tỉnh Khánh Hòa	Quyết định phê duyệt quy trình nội bộ trong giải quyết TTHC
1	Phê duyệt kế hoạch khuyến nông địa phương (cấp huyện)	1.003605.000.00.00.H32	Nông nghiệp	983/QĐ-UBND ngày 08/4/2019	Chưa ban hành
2	Bố trí ổn định dân cư ngoài huyện, trong tỉnh	1.003319.000.00.00.H32	Kinh tế hợp tác và PTNT	2990/QĐ-UBND ngày 26/9/2019	Chưa ban hành
3	Bố trí ổn định dân cư trong huyện	1.003281.000.00.00.H32	nt	nt	Chưa ban hành
4	Hỗ trợ dự án liên kết (cấp huyện)	1.003434.000.00.00.H32	nt	340/QĐ-UBND ngày 30/01/2019	Chưa ban hành
5	Xác nhận bảng kê lâm sản (cấp huyện)	1.000037.000.00.00.H32	Lâm nghiệp	2543/QĐ-UBND ngày 06/8/2019	Chưa ban hành
6	Phê duyệt, điều chỉnh, thiết kế dự toán công trình lâm sinh (đối với công trình lâm sinh thuộc dự án do Chủ tịch UBND cấp huyện quyết định đầu tư)	1.007919.000.00.00.H32	nt	532/QĐ-UBND 16/3/2020	955/QĐ-UBND ngày 27/4/2020
7	Công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn quản lý)	1.003956.000.00.00.H32	Thủy sản	2543/QĐ-UBND ngày 06/8/2019	10/QĐ-UBND ngày 06/01/2020
8	Sửa đổi, bổ sung nội dung quyết định công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn quản lý)	1.004498.000.00.00.H32	nt	nt	10/QĐ-UBND ngày 06/01/2020
9	Công bố mở cảng cá loại 3	1.004478.000.00.00.H32	nt	nt	10/QĐ-UBND ngày 06/01/2020
10	Thủ tục thẩm định, phê duyệt quy trình vận hành đối với công trình thủy lợi do UBND cấp tỉnh phân cấp	2.001627.000.00.00.H32	Thủy lợi	2990/QĐ-UBND ngày 26/9/2019	Chưa ban hành

TT	Thủ tục hành chính	Mã số TTHC trên Cổng dịch vụ công quốc gia	Lĩnh vực	Quyết định công bố danh mục TTHC của UBND tỉnh Khánh Hòa	Quyết định phê duyệt quy trình nội bộ trong giải quyết TTHC
	(UBND huyện phê duyệt)				
11	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp thuộc thẩm quyền của UBND huyện (trên địa bàn từ 02 xã trở lên)	1.003456.000.00.00.H32	nt	340/QĐ-UBND ngày 30/01/2019	Chưa ban hành
12	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạ du đập trong quá trình thi công thuộc thẩm quyền của UBND huyện (trên địa bàn từ 02 xã trở lên)	1.003459.000.00.00.H32	nt	nt	Chưa ban hành
13	Thẩm định, phê duyệt đề cương, kết quả kiểm định an toàn đập, hồ chứa thủy lợi thuộc thẩm quyền của UBND huyện	1.003471.000.00.00.H32	nt	nt	Chưa ban hành
14	Thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh và công bố công khai quy trình vận hành hồ chứa nước thuộc thẩm quyền của UBND huyện	1.003347.000.00.00.H32	nt	nt	Chưa ban hành
15	Thành lập trường trung học cơ sở công lập hoặc cho phép thành lập trường trung học cơ sở tư thục	1.004442.000.00.00.H32	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	2441/QĐ-UBND ngày 30/7/2019	594/QĐ-UBND ngày 23/3/2020
16	Cho phép trường trung học cơ sở hoạt động giáo dục	1.004444.000.00.00.H32	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	nt	nt
17	Cho phép trường trung học cơ sở hoạt động trở lại	1.004475.000.00.00.H32	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	nt	nt
18	Sáp nhập, chia tách trường trung học cơ sở	2.001809.000.00.00.H32	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống	nt	nt

TT	Thủ tục hành chính	Mã số TTHC trên Cổng dịch vụ công quốc gia	Lĩnh vực	Quyết định công bố danh mục TTHC của UBND tỉnh Khánh Hòa	Quyết định phê duyệt quy trình nội bộ trong giải quyết TTHC
			giáo dục quốc dân		
19	Giải thẻ trường trung học cơ sở	2.001818.000.00.00.H32	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	nt	nt
20	Thành lập trường phổ thông dân tộc bán trú	1.004545.000.00.00.H32	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	nt	nt
21	Cho phép trường phổ thông dân tộc bán trú hoạt động giáo dục	2.001839.000.00.00.H32	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	1713/QĐ-UBND ngày 18/6/2018	Chưa ban hành
22	Sáp nhập, chia tách trường phổ thông dân tộc bán trú	2.001837.000.00.00.H32	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	2441/QĐ-UBND ngày 30/7/2019	594/QĐ-UBND ngày 23/3/2020
23	Chuyển đổi trường phổ thông dân tộc bán trú	2.001824.000.00.00.H32	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	1713/QĐ-UBND ngày 18/6/2018	Chưa ban hành
24	Thành lập trường tiểu học công lập, cho phép thành lập trường tiểu học tư thục	1.004555.000.00.00.H32	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	2441/QĐ-UBND ngày 30/7/2019	594/QĐ-UBND ngày 23/3/2020
25	Cho phép trường tiểu học hoạt động giáo dục	2.001842.000.00.00.H32	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	nt	nt

TT	Thủ tục hành chính	Mã số TTHC trên Cổng dịch vụ công quốc gia	Lĩnh vực	Quyết định công bố danh mục TTHC của UBND tỉnh Khánh Hòa	Quyết định phê duyệt quy trình nội bộ trong giải quyết TTHC
26	Cho phép trường tiểu học hoạt động giáo dục trở lại	1.004552.000.00.00.H32	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	nt	nt
27	Sáp nhập, chia tách trường tiểu học	1.004563.000.00.00.H32	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	nt	nt
28	Giải thể trường tiểu học (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập trường tiểu học)	1.001639.000.00.00.H32	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	nt	nt
29	Thành lập trung tâm học tập cộng đồng	1.004439.000.00.00.H32	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	nt	nt
30	Cho phép trung tâm học tập cộng đồng hoạt động trở lại	1.004440.000.00.00.H32	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	nt	nt
31	Thành lập lớp năng khiếu thể dục thể thao thuộc trường tiểu học, trường trung học cơ sở	1.004487.000.00.00.H32	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	1713/QĐ-UBND ngày 18/6/2018	Chưa ban hành
32	Cho phép trường phổ thông dân tộc nội trú có cấp học cao nhất là trung học cơ sở hoạt động giáo dục	1.004496.000.00.00.H32	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	2441/QĐ-UBND ngày 30/7/2019	594/QĐ-UBND ngày 23/3/2020
33	Thành lập trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ công lập hoặc cho phép thành lập trường mẫu	1.004494.000.00.00.H32	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống	nt	nt

TT	Thủ tục hành chính	Mã số TTHC trên Cổng dịch vụ công quốc gia	Lĩnh vực	Quyết định công bố danh mục TTHC của UBND tỉnh Khánh Hòa	Quyết định phê duyệt quy trình nội bộ trong giải quyết TTHC
	giáo, trường mầm non, nhà trẻ tư thực		giáo dục quốc dân		
34	Cho phép trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ hoạt động giáo dục	1.006390.000.00.00.H32	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	nt	nt
35	Cho phép trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ hoạt động giáo dục trở lại	285382-01	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	nt	nt
36	Sáp nhập, chia tách trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ	285380-01	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	nt	nt
37	Chuyển đổi nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thực do nhà đầu tư trong nước đầu tư sang nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thực hoạt động không vì lợi nhuận	1.008724.000.00.00.H32	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	2937/QĐ-UBND ngày 28/10/2020	Chưa ban hành
38	Chuyển đổi trường tiểu học tư thực, trường trung học cơ sở tư thực và trường phổ thông tư thực có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở do nhà đầu tư trong nước đầu tư sang trường phổ thông tư thực hoạt động không vì lợi nhuận	1.008725	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	nt	Chưa ban hành
39	Xét, cấp học bằng chính sách	1.002407.000.00.00.H32	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	2938/QĐ-UBND ngày 28/10/2020	817/QĐ-UBND ngày 05/4/2021
40	Giải thể trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ (theo y/cầu của tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập)	1.004515.000.00.00.H32	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống	1713/QĐ-UBND ngày 18/6/2018	Chưa ban hành

TT	Thủ tục hành chính	Mã số TTHC trên Cổng dịch vụ công quốc gia	Lĩnh vực	Quyết định công bố danh mục TTHC của UBND tỉnh Khánh Hòa	Quyết định phê duyệt quy trình nội bộ trong giải quyết TTHC
			giáo dục quốc dân		
41	Công nhận xã đạt chuẩn phổ cập giáo dục, xóa mù chữ	1.005106.000.00.00.H32	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	nt	Chưa ban hành
42	Quy trình đánh giá, xếp loại “Cộng đồng học tập” cấp xã	1.005097.000.00.00.H32	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	nt	Chưa ban hành
43	Công nhận trường tiểu học đạt mức chất lượng tối thiểu	1.000280.000.00.00.H32	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	nt	Chưa ban hành
44	Chuyển trường đối với học sinh trung học cơ sở	1.004831.000.00.00.H32	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	nt	Chưa ban hành
45	Thuyên chuyển đối tượng học bổ túc trung học cơ sở	1.005108.000.00.00.H32	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	nt	Chưa ban hành
46	Xét, duyệt chính sách hỗ trợ đối với học sinh bán trú đang học tại các trường tiểu học, trung học cơ sở ở xã, thôn đặc biệt khó khăn	1.004438.000.00.00.H32	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	nt	Chưa ban hành
47	Hỗ trợ học tập đối với trẻ mẫu giáo, học sinh tiểu học, học sinh trung học cơ sở, sinh viên các dân tộc thiểu số rất ít người	1.003702.000.00.00.H32	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	nt	Chưa ban hành

TT	Thủ tục hành chính	Mã số TTHC trên Cổng dịch vụ công quốc gia	Lĩnh vực	Quyết định công bố danh mục TTHC của UBND tỉnh Khánh Hòa	Quyết định phê duyệt quy trình nội bộ trong giải quyết TTHC
48	Cấp học bổng và hỗ trợ kinh phí mua phương tiện, đồ dùng học tập dùng riêng cho người khuyết tật học tại các cơ sở giáo dục	1.001714.000.00.00.H32	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	nt	Chưa ban hành
49	Đề nghị miễn giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập cho học sinh, sinh viên	1.005144.000.00.00.H32	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	2441/QĐ-UBND ngày 30/7/2019	594/QĐ-UBND ngày 23/3/2020
50	Xét tuyển sinh vào trường phổ thông dân tộc nội trú	1.005090.000.00.00.H32	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	1713/QĐ-UBND ngày 18/6/2018	Chưa ban hành
51	Cấp bản sao văn bằng, chứng chỉ từ số gốc	1.005092.000.00.00.H32	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	840/QĐ-UBND ngày 14/4/2020	1975/QĐ-UBND ngày 4/8/2020
52	Chỉnh sửa nội dung văn bằng, chứng chỉ	2.001914.000.00.00.H32	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	nt	nt
53	Hỗ trợ ăn trưa đối với trẻ em mẫu giáo	1.001622.000.00.00.H32	Giáo dục mầm non	3084/QĐ-UBND ngày 13/11/2020	108/QĐ-UBND ngày 13/01/2021
54	Trợ cấp đối với trẻ em mầm non là con công nhân, người lao động làm việc tại khu công nghiệp	1.008950.000.00.00.H32	Giáo dục mầm non	3084/QĐ-UBND ngày 13/11/2020	108/QĐ-UBND ngày 13/01/2021
55	Hỗ trợ đối với giáo viên mầm non làm việc tại cơ sở giáo dục mầm non dân lập, tư thục ở địa bàn có khu công nghiệp	1.008951.000.00.00.H32	Giáo dục mầm non	3084/QĐ-UBND ngày 13/11/2020	108/QĐ-UBND ngày 13/01/2021
56	Chuyển trường đối với học sinh tiểu học	1.005099.000.00.00.H32	Giáo dục tiểu học	3104/QĐ-UBND ngày 18/11/2020	Chưa ban hành

TT	Thủ tục hành chính	Mã số TTHC trên Cổng dịch vụ công quốc gia	Lĩnh vực	Quyết định công bố danh mục TTHC của UBND tỉnh Khánh Hòa	Quyết định phê duyệt quy trình nội bộ trong giải quyết TTHC
57	Đăng ký/đăng ký xác nhận lại kế hoạch bảo vệ môi trường	1.004138.000.00.00.H32	Môi trường	2824/QĐ-UBND ngày 19/10/2020	887/QĐ-UBND ngày 20/4/2020
58	Thủ tục đăng ký khai thác nước dưới đất	1.001662	Tài nguyên nước	1195/QĐ-UBND ngày 26/5/2020	2030/QĐ-UBND ngày 07/08/2020
59	Thủ tục lấy ý kiến Ủy ban nhân dân cấp xã, cấp huyện đối với các dự án đầu tư có chuyển nước từ nguồn nước nội tỉnh	1.001645	Tài nguyên nước	nt	2030/QĐ-UBND ngày 07/08/2020
60	Thủ tục gia hạn sử dụng đất ngoài khu công nghệ cao, khu kinh tế	1.003836.000.00.00.H32	Đất đai	1003/QĐ-UBND ngày 09/04/2019	1590/QĐ-UBND ngày 23/5/2019
61	Thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất cho người đã đăng ký quyền sử dụng đất lần đầu	1.002335.000.00.00.H32	Đất đai	nt	nt
62	Thủ tục bán hoặc góp vốn bằng tài sản gắn liền với đất thuê của Nhà nước theo hình thức thuê đất trả tiền hàng năm	2.000379.000.00.00.H32	Đất đai	nt	nt
63	Thủ tục đăng ký biến động đối với trường hợp chuyển từ hình thức thuê đất trả tiền hàng năm sang thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê hoặc từ thuê đất sang giao đất có thu tiền sử dụng đất	1.000755.000.00.00.H32	Đất đai	nt	nt
64	Thủ tục thu hồi giấy chứng nhận đã cấp không đúng quy định của pháp luật đất đai do người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất phát hiện – Trường hợp GCN do UBND huyện cấp	1.002969.000.00.00.H32	Đất đai	nt	nt
65	Thủ tục chuyển mục đích sử dụng đất phải được phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với hộ gia đình, cá nhân	1.000.798.000.00.00.H32	Đất đai	2154/QĐ-UBND ngày 18/8/2020	3235/QĐ-UBND ngày 03/12/2020
66	Thủ tục giao đất, cho thuê đất cho hộ gia đình, cá nhân; giao đất cho cộng đồng dân cư đối với trường hợp không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất	2.000381.000.00.00.H32	Đất đai	2154/QĐ-UBND ngày 18/8/2020	3235/QĐ-UBND ngày 03/12/2020

TT	Thủ tục hành chính	Mã số TTHC trên Cổng dịch vụ công quốc gia	Lĩnh vực	Quyết định công bố danh mục TTHC của UBND tỉnh Khánh Hòa	Quyết định phê duyệt quy trình nội bộ trong giải quyết TTHC
67	Thẩm định nhu cầu sử dụng đất để xem xét giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất đối với hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư	2.001234.000.00.00.H32	Đất đai	2154/QĐ-UBND ngày 18/8/2020	3235/QĐ-UBND ngày 03/12/2020
68	Trả lại khu vực biển cấp huyện	1.009485.000.00.00.H32	Biển và hải đảo	1218/QĐ-UBND ngày 11/5/2021	Chưa ban hành
69	Công nhận khu vực biển cấp huyện	1.009482.000.00.00.H32	Biển và hải đảo	1218/QĐ-UBND ngày 11/5/2021	Chưa ban hành
70	Sửa đổi, bổ sung quyết định giao khu vực biển cấp huyện	1.009486.000.00.00.H32	Biển và hải đảo	1218/QĐ-UBND ngày 11/5/2021	Chưa ban hành
71	Gia hạn thời hạn giao khu vực biển cấp huyện	1.009484.000.00.00.H32	Biển và hải đảo	1218/QĐ-UBND ngày 11/5/2021	Chưa ban hành
72	Giao khu vực biển cấp huyện	1.009483.000.00.00.H32	Biển và hải đảo	1218/QĐ-UBND ngày 11/5/2021	Chưa ban hành
73	Xét tặng Giấy khen khu dân cư văn hóa	1.00933.000.00.00.H32	Văn hóa cơ sở	182/QĐ-UBND ngày 19/01/2021	520/QĐ-UBND ngày 04/3/2021
74	Xét tặng danh hiệu Khu dân cư văn hóa hàng năm	2.00440.000.00.00.H32	Văn hóa cơ sở	182/QĐ-UBND ngày 19/01/2021	520/QĐ-UBND ngày 04/3/2021
75	Cấp phép đủ điều kiện kinh doanh Karaoke	1.000903. 000.00.00.H32	Văn hóa cơ sở - Karaoke, vũ trường	810/QĐ-UBND ngày 05/4/2021	520/QĐ-UBND ngày 04/3/2021
76	Cấp giấy phép điều chỉnh Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke	1.000831.000.00.00.H32	Văn hóa cơ sở - Karaoke, vũ trường	810/QĐ-UBND ngày 05/4/2021	520/QĐ-UBND ngày 04/3/2021
77	Công nhận lần đầu “xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới”	1.004646.000.00.00.H32	Văn hóa cơ sở	182/QĐ-UBND ngày 19/01/2021	520/QĐ-UBND ngày 04/3/2021
78	Công nhận lại “xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới”	1.004644.000.00.00.H32	Văn hóa cơ sở	182/QĐ-UBND ngày 19/01/2021	520/QĐ-UBND

TT	Thủ tục hành chính	Mã số TTHC trên Cổng dịch vụ công quốc gia	Lĩnh vực	Quyết định công bố danh mục TTHC của UBND tỉnh Khánh Hòa	Quyết định phê duyệt quy trình nội bộ trong giải quyết TTHC
					ngày 04/3/2021
79	Công nhận lần đầu “Phường, thị trấn đạt chuẩn văn minh đô thị”	1.004634.000.00.00.H32	Văn hóa cơ sở	182/QĐ-UBND ngày 19/01/2021	520/QĐ-UBND ngày 04/3/2021
80	Công nhận lại “Phường, thị trấn đạt chuẩn văn minh đô thị”	1.004622.000.00.00.H32	Văn hóa cơ sở	182/QĐ-UBND ngày 19/01/2021	520/QĐ-UBND ngày 04/3/2021
81	Công nhận lần đầu “Cơ quan đạt chuẩn văn hóa”, “Doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa”	1.004648.000.00.00.H32	Văn hóa cơ sở	182/QĐ-UBND ngày 19/01/2021	520/QĐ-UBND ngày 04/3/2021
82	Đổi giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình	1.001874.000.00.00.H32	Văn hóa cơ sở	182/QĐ-UBND ngày 19/01/2021	520/QĐ-UBND ngày 04/3/2021
83	Cấp giấy Chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình	1.003243.000.00.00.H32	Gia đình	182/QĐ-UBND ngày 19/01/2021	520/QĐ-UBND ngày 04/3/2021
84	Cấp lại giấy Chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình	1.003226.000.00.00.H32	nt	182/QĐ-UBND ngày 19/01/2021	520/QĐ-UBND ngày 04/3/2021
85	Đổi giấy Chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình	1.003185.000.00.00.H32	nt	182/QĐ-UBND ngày 19/01/2021	520/QĐ-UBND ngày 04/3/2021
86	Cấp Giấy chứng nhận hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình	1.003140.000.00.00.H32	nt	182/QĐ-UBND ngày 19/01/2021	520/QĐ-UBND ngày 04/3/2021
87	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình	1.003103.000.00.00.H32	nt	182/QĐ-UBND ngày 19/01/2021	520/QĐ-UBND ngày 04/3/2021
88	Gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp trò chơi điện tử công cộng	2.001880.000.00.00.H32	Thông tin điện tử	2392/QĐ-UBND ngày 23/7/2019	2858/QĐ-UBND ngày 06/9/2019

TT	Thủ tục hành chính	Mã số TTHC trên Cổng dịch vụ công quốc gia	Lĩnh vực	Quyết định công bố danh mục TTHC của UBND tỉnh Khánh Hòa	Quyết định phê duyệt quy trình nội bộ trong giải quyết TTHC
89	Sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp trò chơi điện tử cho các cá nhân, tổ chức	2.001884.000.00.00.H32	nt	nt	nt
90	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng	2.001786.000.00.00.H32	nt	nt	nt
91	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp trò chơi điện tử công cộng cho tổ chức, cá nhân	2.001885.000.00.00.H32	nt	nt	nt
92	Khai báo hoạt động cơ sở photocopy	2.001931.000.00.00.H32	Xuất bản	nt	nt
93	Thay đổi thông tin khai báo hoạt động cơ sở dịch vụ photocopy	2.001762.000.00.00.H32	nt	nt	nt
94	Thủ tục thông báo thành lập đối với thư viện thuộc cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục nghề nghiệp và cơ sở giáo dục khác ngoài công lập và thư viện tư nhân có phục vụ cộng đồng	1.008899.000.00.00.H32	Thư viện	182/QĐ-UBND ngày 19/01/2021	520/QĐ-UBND ngày 04/3/2021
95	Thủ tục thông báo sáp nhập, hợp nhất, chia, tách thư viện đối với thư viện thuộc cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục nghề nghiệp và cơ sở giáo dục khác ngoài công lập, thư viện tư nhân có phục vụ cộng đồng	1.008898.000.00.00.H32	Thư viện	182/QĐ-UBND ngày 19/01/2021	520/QĐ-UBND ngày 04/3/2021
96	Thủ tục thông báo chấm dứt hoạt động thư viện đối với thư viện thuộc cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục nghề nghiệp và cơ sở giáo dục khác ngoài công lập, thư viện tư nhân có phục vụ cộng đồng	1.008900.000.00.00.H32	Thư viện	182/QĐ-UBND ngày 19/01/2021	520/QĐ-UBND ngày 04/3/2021
97	Thủ tục đăng ký tổ chức lễ hội	1.003645.000.00.00.H32	Lễ hội	182/QĐ-UBND ngày 19/01/2021	520/QĐ-UBND ngày 04/3/2021

TT	Thủ tục hành chính	Mã số TTHC trên Cổng dịch vụ công quốc gia	Lĩnh vực	Quyết định công bố danh mục TTHC của UBND tỉnh Khánh Hòa	Quyết định phê duyệt quy trình nội bộ trong giải quyết TTHC
98	Thủ tục thông báo tổ chức lễ hội	1.003635.000.00.00.H32	Lễ hội	182/QĐ-UBND ngày 19/01/2021	520/QĐ-UBND ngày 04/3/2021
99	Thủ tục cấp giấy giới thiệu đi thăm viếng mộ liệt sĩ và hỗ trợ thăm viếng mộ liệt sĩ	2.001375.000.00.00.H32	Người có công	2127/QĐ-UBND ngày 26/7/2018	Chưa ban hành
100	Thủ tục hỗ trợ người có công đi làm phương tiện, dụng cụ trợ giúp chỉnh hình; đi điều trị phục hồi chức năng	2.001378.000.00.00.H32	Người có công	nt	Chưa ban hành
101	Cấp chính sách nội trú cho học sinh, sinh viên tham gia chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp tư thục hoặc cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài	2.001960.000.00.00.H32	Giảm nghèo	nt	Chưa ban hành
102	Áp dụng các biện pháp can thiệp khẩn cấp hoặc tạm thời cách ly trẻ em khỏi môi trường hoặc người gây tổn hại cho trẻ em	1.004.946	Trẻ em	nt	Chưa ban hành
103	Chăm dứt việc chăm sóc thay thế cho trẻ em	1.004.944	Trẻ em	1066/QĐ-UBND ngày 20/4/2018	Chưa ban hành
104	Thực hiện, điều chỉnh, thôi hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng	1.001776.000.00.00.H32	Bảo trợ xã hội	478/QĐ-UBND ngày 20/02/2019	2193/QĐ-UBND ngày 01/7/2019
105	Thực hiện trợ cấp xã hội hàng tháng khi đối tượng thay đổi nơi cư trú trong cùng địa bàn quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh	1.001758.000.00.00.H32	Bảo trợ xã hội	nt	nt
106	Thực hiện trợ cấp xã hội hàng tháng khi đối tượng thay đổi nơi cư trú giữa các quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh	1.001753.000.00.00.H32	Bảo trợ xã hội	nt	nt
107	Đăng ký thay đổi nội dung hoặc cấp lại giấy chứng nhận đăng ký thành lập cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập thuộc thẩm quyền của Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội	1.000669.000.00.00.H32	Bảo trợ xã hội	nt	nt

TT	Thủ tục hành chính	Mã số TTHC trên Cổng dịch vụ công quốc gia	Lĩnh vực	Quyết định công bố danh mục TTHC của UBND tỉnh Khánh Hòa	Quyết định phê duyệt quy trình nội bộ trong giải quyết TTHC
108	Cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội thuộc thẩm quyền của Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội	2.000294.000.00.00.H32	Bảo trợ xã hội	nt	nt
109	Hỗ trợ kinh phí nhận nuôi dưỡng, chăm sóc đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp	1.001739.000.00.00.H32	Bảo trợ xã hội	2127/QĐ-UBND ngày 26/7/2018	Chưa ban hành
110	Hỗ trợ chi phí mai táng cho đối tượng bảo trợ xã hội được trợ giúp thường xuyên tại cộng đồng	1.001731.000.00.00.H32	Bảo trợ xã hội	nt	Chưa ban hành
111	Trợ giúp xã hội đột xuất đối với người bị thương nặng ngoài nơi cư trú mà không có người thân thích chăm sóc	2.000777.000.00.00.H32	Bảo trợ xã hội	1066/QĐ-UBND ngày 20/4/2018	Chưa ban hành
112	Đăng ký thành lập cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập thuộc thẩm quyền giải quyết của Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội	2.000291.000.00.00.H32	Bảo trợ xã hội	382/QĐ-UBND ngày 01/02/2018	Chưa ban hành
113	Giải thể cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập thuộc thẩm quyền thành lập của Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội	2.000298.000.00.00.H32	Bảo trợ xã hội	nt	Chưa ban hành
114	Cấp lại, điều chỉnh giấy phép hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội có giấy phép hoạt động do Phòng Lao động - Thương binh và XH cấp	1.000.684	Bảo trợ xã hội	nt	Chưa ban hành
115	Tiếp nhận đối tượng bảo trợ xã hội có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn vào cơ sở trợ giúp xã hội cấp huyện	1.000674.000.00.00.H32	Bảo trợ xã hội	nt	Chưa ban hành
116	Tiếp nhận đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp vào cơ sở trợ giúp xã hội cấp huyện	2.000.282	Bảo trợ xã hội	nt	Chưa ban hành
117	Hỗ trợ cho người lao động thuộc đối tượng là người dân tộc thiểu số, người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, thân nhân người có công với cách mạng đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng	2.002105.000.00.00.H32	Lao động ngoài nước	1064/QĐ-UBND ngày 20/4/2018	Chưa ban hành
118	Giải quyết tranh chấp lao động tập thể về quyền	1.004959.000.00.00.H32	Lao động tiền	1606/QĐ-UBND	Chưa ban hành

TT	Thủ tục hành chính	Mã số TTHC trên Cổng dịch vụ công quốc gia	Lĩnh vực	Quyết định công bố danh mục TTHC của UBND tỉnh Khánh Hòa	Quyết định phê duyệt quy trình nội bộ trong giải quyết TTHC
			lương	ngày 06/6/2018	
119	Thủ tục Cách chức chủ tịch, các thành viên hội đồng trường trung cấp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Sở, Ủy ban nhân dân cấp huyện.	1.000570	Giáo dục nghề nghiệp	1195/QĐ-UBND ngày 04/5/2018	Chưa ban hành
120	Thủ tục Miễn nhiệm chủ tịch, các thành viên hội đồng trường trung cấp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Sở, Ủy ban nhân dân cấp huyện.	1.000584	Giáo dục nghề nghiệp	nt	Chưa ban hành
121	Thủ tục Thành lập hội đồng trường, bổ nhiệm chủ tịch, thành viên hội đồng trường trung cấp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Sở, Ủy ban nhân dân cấp huyện.	1.000602	Giáo dục nghề nghiệp	QĐ số 1281/QĐ-UBND ngày 04/5/2019	QĐ số 2193/QĐ-UBND ngày 01/7/2019
122	Thủ tục cấp chính sách nội trú cho học sinh, sinh viên tham gia chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập trực thuộc huyện, quận, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh	2.002284.000.00.00.H32	Giáo dục nghề nghiệp	929/QĐ-UBND ngày 23/4/2020	1453/QĐ-UBND ngày 23/06/2020
123	Thủ tục thông báo mở lớp bồi dưỡng về tôn giáo theo quy định tại khoản 2 Điều 41 Luật tín ngưỡng, tôn giáo	1.001228.000.00.00.H32	Tín ngưỡng, tôn giáo	931/QĐ-UBND ngày 06/4/2018 -	393/QĐ-UBND ngày 20/02/2020
124	Thủ tục thông báo danh mục hoạt động tôn giáo đối với tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở nhiều xã thuộc một huyện	2.000267.000.00.00.H32	Tín ngưỡng, tôn giáo	nt	nt
125	Thủ tục thông báo danh mục hoạt động tôn giáo bổ sung đối với tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở nhiều xã thuộc một huyện	1.000316.000.00.00.H32	Tín ngưỡng, tôn giáo	nt	nt
126	Thủ tục thông báo tổ chức hội nghị thường niên của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một huyện	1.001220.000.00.00.H32	Tín ngưỡng, tôn giáo	nt	nt
127	Thủ tục đề nghị tổ chức đại hội của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, tổ chức được cấp	1.001212.000.00.00.H32	Tín ngưỡng, tôn giáo	nt	nt

TT	Thủ tục hành chính	Mã số TTHC trên Cổng dịch vụ công quốc gia	Lĩnh vực	Quyết định công bố danh mục TTHC của UBND tỉnh Khánh Hòa	Quyết định phê duyệt quy trình nội bộ trong giải quyết TTHC
	chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một huyện				
128	Thủ tục đề nghị tổ chức cuộc lễ ngoài cơ sở tôn giáo, địa điểm hợp pháp đã đăng ký có quy mô tổ chức ở một huyện	1.001204.000.00.00.H32	Tín ngưỡng, tôn giáo	nt	nt
129	Thủ tục đề nghị giảng đạo ngoài địa bàn phụ trách, cơ sở tôn giáo, địa điểm hợp pháp đã đăng ký có quy mô tổ chức ở một huyện	1.001199.000.00.00.H32	Tín ngưỡng, tôn giáo	nt	nt
130	Thủ tục thông báo tổ chức quyên góp ngoài địa bàn một xã nhưng trong địa bàn một huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương của cơ sở tín ngưỡng, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc	1.001180.000.00.00.H32	Tín ngưỡng, tôn giáo	nt	nt
131	Thủ tục tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp huyện về thành tích thực hiện nhiệm vụ chính trị	2.000414.000.00.00.H32	Thi đua – khen thưởng	2404/QĐ-UBND ngày 22/8/2018	393/QĐ-UBND ngày 20/02/2020
132	Thủ tục tặng danh hiệu Tập thể lao động tiên tiến	2.000402.000.00.00.H32	Thi đua – khen thưởng	nt	nt
133	Thủ tục tặng danh hiệu Chiến sĩ thi đua cơ sở	1.000843.000.00.00.H32	Thi đua – khen thưởng	nt	nt
134	Thủ tục tặng danh hiệu Lao động tiên tiến	2.000385.000.00.00.H32	Thi đua – khen thưởng	nt	nt
135	Thủ tục tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp huyện về thành tích thi đua theo đợt, chuyên đề	2.000374.000.00.00.H32	Thi đua – khen thưởng	nt	nt
136	Thủ tục tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp huyện về thành tích đột xuất	1.000804.000.00.00.H32	Thi đua – khen thưởng	nt	nt
137	Thủ tục tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp huyện về khen thưởng đối ngoại	2.000364.000.00.00.H32	Thi đua – khen thưởng	nt	nt
138	Thủ tục tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp huyện cho gia đình	2.000356.000.00.00.H32	Thi đua – khen thưởng	nt	nt

TT	Thủ tục hành chính	Mã số TTHC trên Cổng dịch vụ công quốc gia	Lĩnh vực	Quyết định công bố danh mục TTHC của UBND tỉnh Khánh Hòa	Quyết định phê duyệt quy trình nội bộ trong giải quyết TTHC
139	Thủ tục thẩm định thành lập đơn vị sự nghiệp công lập	1.003719.000.00.00.H32	Lĩnh vực tổ chức bộ máy nhà nước	3586/QĐ-UBND ngày 23/11/2018	nt
140	Thủ tục thẩm định tổ chức lại đơn vị sự nghiệp công lập	1.003693.000.00.00.H32	Lĩnh vực tổ chức bộ máy nhà nước	nt	nt
141	Thủ tục thẩm định giải thể đơn vị sự nghiệp công lập	1.003735.000.00.00.H32	Lĩnh vực tổ chức bộ máy nhà nước	nt	nt
142	Thủ tục công nhận ban vận động thành lập hội	1.003841.000.00.00.H32	Tổ chức phi CP	nt	nt
143	Thủ tục thành lập Hội cấp huyện	1.003827.000.00.00.H32	Tổ chức phi CP	nt	nt
144	Thủ tục phê duyệt điều lệ hội	1.003807.000.00.00.H32	Tổ chức phi CP	nt	nt
145	Thủ tục chia, tách; sáp nhập; hợp nhất hội	1.003783.000.00.00.H32	Tổ chức phi CP	nt	nt
146	Thủ tục đổi tên hội	1.003757.000.00.00.H32	Tổ chức phi CP	nt	nt
147	Thủ tục hội tự giải thể	1.003732.000.00.00.H32	Tổ chức phi CP	nt	nt
148	Thủ tục báo cáo tổ chức đại hội nhiệm kỳ, đại hội bất thường cấp huyện	2.002100.000.00.00.H32	Tổ chức phi CP	nt	nt
149	Thủ tục cấp giấy phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ	1.005209.000.00.00.H32	Tổ chức phi CP	nt	nt
150	Thủ tục công nhận quỹ đủ điều kiện hoạt động và công nhận thành viên hội đồng quản lý quỹ cấp huyện	1.005208.000.00.00.H32	Tổ chức phi CP	nt	nt
151	Thủ tục công nhận thay đổi, bổ sung thành viên hội đồng quản lý quỹ	2.001567.000.00.00.H32	Tổ chức phi CP	nt	nt
152	Thủ tục thay đổi giấy phép thành lập và công nhận điều lệ (sửa đổi, bổ sung) quỹ	1.003889.000.00.00.H32	Tổ chức phi CP	nt	nt
153	Thủ tục cấp lại giấy phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ	1.005206.000.00.00.H32	Tổ chức phi CP	nt	nt
154	Thủ tục cho phép quỹ hoạt động trở lại sau khi bị tạm đình chỉ hoạt động	1.005205.000.00.00.H32	Tổ chức phi CP	nt	nt

TT	Thủ tục hành chính	Mã số TTHC trên Cổng dịch vụ công quốc gia	Lĩnh vực	Quyết định công bố danh mục TTHC của UBND tỉnh Khánh Hòa	Quyết định phê duyệt quy trình nội bộ trong giải quyết TTHC
155	Thủ tục hợp nhất, sáp nhập, chia, tách quỹ cấp huyện	1.005204.000.00.00.H32	Tổ chức phi CP	nt	nt
156	Thủ tục đổi tên quỹ cấp huyện	1.005203.000.00.00.H32	Tổ chức phi CP	nt	nt
157	Thủ tục quỹ tự giải thể	1.005202.000.00.00.H32	Tổ chức phi CP	nt	nt
158	Thủ tục thẩm định hồ sơ người đang trực tiếp tham gia hoạt động chữ thập đỏ bị tai nạn dẫn đến thiệt hại về sức khỏe cấp huyện	1.005358.000.00.00.H32	Tổ chức phi CP	nt	nt
159	Thủ tục xem xét, chi trả chi phí cho người đang trực tiếp tham gia hoạt động chữ thập đỏ bị tai nạn dẫn đến thiệt hại về sức khỏe	1.005201.000.00.00.H32	Tổ chức phi CP	nt	nt
160	Đăng ký thành lập hộ kinh doanh;	1.001612.000.00.00.H32	Thành lập và hoạt động doanh nghiệp (hộ kinh doanh)	2108/QĐ-UBND ngày 24/6/2019	901/QĐ-UBND ngày 21/04/2020
161	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh;	2.000720.000.00.00.H32	nt	nt	nt
162	Tạm ngừng hoạt động hộ kinh doanh;	1.001570.000.00.00.H32	nt	nt	nt
163	Chấm dứt hoạt động hộ kinh doanh;	1.001266.000.00.00.H32	nt	nt	nt
164	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh;	2.000575.000.00.00.H32	nt	nt	nt
165	Tạm ngừng hoạt động của hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã	1.005377.000.00.00.H32	Thành lập và hoạt động của HTX (liên hiệp HTX)	2328/QĐ-UBND ngày 15/7/2019	901/QĐ-UBND ngày 21/04/2020
166	Thông báo về việc góp vốn, mua cổ phần, thành lập doanh nghiệp của hợp tác xã	2.001958.000.00.00.H32	nt	nt	nt
167	Thông báo thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã	1.004979.000.00.00.H32	nt	nt	nt

TT	Thủ tục hành chính	Mã số TTHC trên Cổng dịch vụ công quốc gia	Lĩnh vực	Quyết định công bố danh mục TTHC của UBND tỉnh Khánh Hòa	Quyết định phê duyệt quy trình nội bộ trong giải quyết TTHC
168	Giải thể tự nguyện hợp tác xã	1.004982.000.00.00.H32	nt	nt	nt
169	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã (trong trường hợp bị mất hoặc bị hư hỏng)	2.001973.000.00.00.H32	nt	nt	nt
170	Đăng ký khi hợp tác xã sáp nhập	1.004972.000.00.00.H32	nt	nt	nt
171	Thay đổi cơ quan đăng ký hợp tác xã	1.004895.000.00.00.H32	nt	nt	nt
172	Cấp đổi giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã	1.004901.000.00.00.H32	nt	nt	nt
173	Chấm dứt hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã	1.005010.000.00.00.H32	nt	nt	nt
174	Đăng ký khi hợp tác xã hợp nhất	1.005121.000.00.00.H32	nt	nt	nt
175	Đăng ký khi hợp tác xã tách	2.002120.000.00.00.H32	nt	nt	nt
176	Đăng ký khi hợp tác xã chia	2.002122.000.00.00.H32	nt	nt	nt
177	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã	1.005378.000.00.00.H32	nt	nt	nt
178	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã	1.005277.000.00.00.H32	nt	nt	nt
179	Đăng ký thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã	2.002123.000.00.00.H32	nt	nt	nt
180	Đăng ký thành lập hợp tác xã	1.005280.000.00.00.H32	nt	nt	nt
181	Thanh toán chi phí có liên quan đến việc xử lý tài sản;	013.02.008	Quản lý công sản	1393/QĐ-UBND ngày 23/5/2018	Chưa ban hành
182	Mua quyền hóa đơn;	1.005434.000.00.00.H32	nt	nt	Chưa ban hành

TT	Thủ tục hành chính	Mã số TTHC trên Cổng dịch vụ công quốc gia	Lĩnh vực	Quyết định công bố danh mục TTHC của UBND tỉnh Khánh Hòa	Quyết định phê duyệt quy trình nội bộ trong giải quyết TTHC
183	Mua hóa đơn lẻ;	1.005435.000.00.00.H32	nt	nt	Chưa ban hành
184	Thuê tài sản phục vụ hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị;	013.02.016	nt	1031/QĐ-UBND ngày 10/4/2019	Quyết định 1032/QĐ-UBND ngày 10/4/2019
185	Thu hồi tài sản công trong trường hợp cơ quan nhà nước được giao quản lý, sử dụng tài sản công tự nguyện trả lại tài sản cho Nhà nước;	013.02.017	nt	nt	nt
186	Thu hồi tài sản công trong trường hợp thu hồi tài sản công theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ và e Khoản 1 Điều 41 của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;	013.02.018	nt	nt	nt
187	Điều chuyển tài sản công;	013.02.019	nt	nt	nt
188	Bán tài sản công;	013.02.020	nt	nt	nt
189	Bán tài sản công cho người duy nhất theo quy định tại khoản 2 Điều 25 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ;	013.02.021	nt	nt	nt
190	Hủy bỏ quyết định bán đấu giá tài sản công;	013.02.022	nt	nt	nt
191	Thanh lý tài sản công;	013.02.023	nt	nt	nt
192	Cấp giấy phép bán lẻ rượu	2.000620.000.00.00.H32	Lưu thông hàng hóa trong nước	1520/QĐ-UBND ngày 25/6/2020	3551/QĐ-UBND ngày 30/12/2020
193	Cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép bán lẻ rượu	2.000615.000.00.00.H32	nt	nt	3551/QĐ-UBND ngày 30/12/2020
194	Cấp lại giấy phép bán lẻ rượu	2.001240.000.00.00.H32	nt	nt	3551/QĐ-UBND

TT	Thủ tục hành chính	Mã số TTHC trên Cổng dịch vụ công quốc gia	Lĩnh vực	Quyết định công bố danh mục TTHC của UBND tỉnh Khánh Hòa	Quyết định phê duyệt quy trình nội bộ trong giải quyết TTHC
					ngày 30/12/2020
195	Cấp giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	2.000633.000.00.00.H32	nt	nt	3551/QĐ-UBND ngày 30/12/2020
196	Cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	2.000629.000.00.00.H32	nt	nt	3551/QĐ-UBND ngày 30/12/2020
197	Cấp lại giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	1.001279.000.00.00.H32	nt	nt	3551/QĐ-UBND ngày 30/12/2020
198	Cấp giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	2.000181.000.00.00.H32	nt	nt	3551/QĐ-UBND ngày 30/12/2020
199	Cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	2.000162.000.00.00.H32	nt	nt	3551/QĐ-UBND ngày 30/12/2020
200	Cấp lại giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	2.000150.000.00.00.H32	nt	nt	3551/QĐ-UBND ngày 30/12/2020
201	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán LPG chai	2.001283.000.00.00.H32	Kinh doanh khí	3128/QĐ-UBND ngày 19/10/2018	3551/QĐ-UBND ngày 30/12/2020
202	Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán LPG chai	2.001270.000.00.00.H32	nt	nt	3551/QĐ-UBND ngày 30/12/2020
203	Cấp điều chỉnh giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán LPG chai	2.001261.000.00.00.H32	nt	nt	3551/QĐ-UBND ngày 30/12/2020

TT	Thủ tục hành chính	Mã số TTHC trên Cổng dịch vụ công quốc gia	Lĩnh vực	Quyết định công bố danh mục TTHC của UBND tỉnh Khánh Hòa	Quyết định phê duyệt quy trình nội bộ trong giải quyết TTHC
204	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình vùng hạ du đập thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp huyện	2.000599.000.00.00.H32	An toàn đập, hồ chứa thủy điện	1520/QĐ-UBND ngày 25/6/2020	3551/QĐ-UBND ngày 30/12/2020
205	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp hồ chứa thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp huyện	1.000473.000.00.00.H32	nt	nt	3551/QĐ-UBND ngày 30/12/2020
206	Cung cấp thông tin về quy hoạch xây dựng thuộc thẩm quyền của UBND cấp huyện	1.008455.000.00.00.H32	Xây dựng – Quy hoạch - Kiến trúc	09/QĐ-UBND ngày 04/01/2021	Chưa ban hành
207	Thẩm định nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức kinh doanh thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp huyện - Thẩm định quy hoạch chi tiết (theo Luật Quy hoạch đô thị và Nghị định 37/2010)	1.002662.000.00.00.H32	Xây dựng – Quy hoạch - Kiến trúc	3988/QĐ-UBND ngày 27/12/2017	nt
208	Thẩm định nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức kinh doanh thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp huyện - Thẩm định quy hoạch chi tiết xây dựng khu chức năng đặc thù, điểm dân cư nông thôn (theo Luật Xây dựng và Nghị định 44/2015)	1.002662.000.00.00.H32	nt	nt	nt
209	Thẩm định đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức kinh doanh thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp huyện	1.003141.000.00.00.H32	nt	nt	nt
210	Thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật/Báo cáo kinh tế - kỹ thuật điều chỉnh; thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng/thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng điều chỉnh (trường hợp thiết kế 1 bước)	Không có	Hoạt động xây dựng	nt	nt

TT	Thủ tục hành chính	Mã số TTHC trên Cổng dịch vụ công quốc gia	Lĩnh vực	Quyết định công bố danh mục TTHC của UBND tỉnh Khánh Hòa	Quyết định phê duyệt quy trình nội bộ trong giải quyết TTHC
211	Cấp GPXD (GPXD mới, giấy phép sửa chữa, cải tạo, giấy phép di dời công trình) đối với công trình, nhà ở riêng lẻ XD trong đô thị, trung tâm cụm xã, trong khu bảo tồn, khu di tích lịch sử-văn hóa thuộc địa bàn quản lý, trừ các công trình thuộc thẩm quyền cấp GPXD của cấp trung ương, cấp tỉnh. + Cấp phép xây dựng công trình + Cấp phép xây dựng nhà ở riêng lẻ	1.007262.000.00.00.H32	nt	nt	nt
212	Điều chỉnh, gia hạn, cấp lại GPXD đối với công trình, nhà ở riêng lẻ xây dựng trong đô thị, trung tâm cụm xã, trong khu bảo tồn, khu di tích lịch sử- văn hóa thuộc địa bàn quản lý, trừ các công trình thuộc thẩm quyền cấp GPXD của cấp trung ương, cấp tỉnh. + Đ/chỉnh giấy phép xây dựng công trình + Đ/chỉnh giấy phép x.dựng nhà ở riêng lẻ + Gia hạn, cấp lại GPXD công trình, nhà ở riêng lẻ	Không có	nt	nt	nt
213	Thuê nhà ở công vụ thuộc thẩm quyền quản lý của UBND cấp tỉnh	1.007763	Xây dựng - Nhà ở	nt	
214	Cấp giấy phép chặt hạ, dịch chuyển cây xanh	1.002693.000.00.00.H32	Xây dựng - Hạ tầng kỹ thuật	nt	nt
215	Cấp giấy phép sử dụng tạm thời một phần hè phố không vào mục đích giao thông để thực hiện: Tuyên truyền chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của nhà nước; diễu trình, giữ xe phục vụ hoạt động văn hóa, thể thao, diễu hành, lễ hội; diễu trưng chuyển vật liệu, phế thải xây dựng để phục vụ thi công công trình của hộ gia đình.	1.008711	Giao thông	660/QĐ-UBND ngày 25/3/2020	nt
216	Thủ tục cấp giấy phép sử dụng tạm thời một phần lòng đường không vào mục đích giao thông đối với: Diễu trình, giữ xe ô tô phục vụ các hoạt động văn hóa, thể	1.008712	Giao thông	nt	nt

TT	Thủ tục hành chính	Mã số TTHC trên Cổng dịch vụ công quốc gia	Lĩnh vực	Quyết định công bố danh mục TTHC của UBND tỉnh Khánh Hòa	Quyết định phê duyệt quy trình nội bộ trong giải quyết TTHC
	thao, điều hành, lễ hội; diểm trung chuyển rác thải sinh hoạt của doanh nghiệp vệ sinh môi trường đô thị				
217	Thủ tục cấp giấy phép sử dụng tạm thời một phần hè phố, lòng đường để trồng, giữ xe có thu phí.	1.008710	Giao thông	nt	nt
218	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp phương tiện thay đổi tên, tính năng kỹ thuật.	2.001711.000.00.00.H32	Đường thủy nội địa	2852/QĐ-UBND ngày 20/10/2020	187/QĐ-UBND ngày 20/01/2021
219	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện nhưng không thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện.	1.004002.000.00.00.H32	Đường thủy nội địa	2852/QĐ-UBND ngày 20/10/2020	187/QĐ-UBND ngày 20/01/2021
220	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện.	1.003930.000.00.00.H32	Đường thủy nội địa	2852/QĐ-UBND ngày 20/10/2020	187/QĐ-UBND ngày 20/01/2021
221	Xóa đăng ký phương tiện.	2.001659.000.00.00.H32	Đường thủy nội địa	2852/QĐ-UBND ngày 20/10/2020	187/QĐ-UBND ngày 20/01/2021
222	Đăng ký phương tiện lần đầu đối với phương tiện chưa khai thác trên đường thủy nội địa	1.004088.000.00.00.H32	Đường thủy nội địa	2852/QĐ-UBND ngày 20/10/2020	187/QĐ-UBND ngày 20/01/2021
223	Đăng ký lần đầu đối với phương tiện đang khai thác trên đường thủy nội địa	1.004047.000.00.00.H32	Đường thủy nội địa	2852/QĐ-UBND ngày 20/10/2020	187/QĐ-UBND ngày 20/01/2021
224	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển từ cơ quan đăng ký khác sang cơ quan đăng ký phương tiện thủy nội địa	1.004036.000.00.00.H32	Đường thủy nội địa	2852/QĐ-UBND ngày 20/10/2020	187/QĐ-UBND ngày 20/01/2021
225	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện đồng thời thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện	1.003970.000.00.00.H32	Đường thủy nội địa	2852/QĐ-UBND ngày 20/10/2020	187/QĐ-UBND ngày 20/01/2021
226	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chủ phương tiện thay đổi trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của chủ phương tiện sang đơn vị hành chính cấp tỉnh khác	1.006391.000.00.00.H32	Đường thủy nội địa	2852/QĐ-UBND ngày 20/10/2020	187/QĐ-UBND ngày 20/01/2021

TT	Thủ tục hành chính	Mã số TTHC trên Cổng dịch vụ công quốc gia	Lĩnh vực	Quyết định công bố danh mục TTHC của UBND tỉnh Khánh Hòa	Quyết định phê duyệt quy trình nội bộ trong giải quyết TTHC
227	Thủ tục Đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài	2.000528.000.00.00.H32	Hộ tịch	2882/QĐ-UBND ngày 21/10/2020	565/QĐ-UBND ngày 19/3/2020
228	Đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài	2.000806.000.00.00.H32	Hộ tịch	nt	nt
229	Đăng ký khai tử có yếu tố nước ngoài	1.001766.000.00.00.H32	Hộ tịch	nt	nt
230	Đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài	2.000779.000.00.00.H32	Hộ tịch	nt	nt
231	Đăng ký khai sinh kết hợp đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài	1.001695.000.00.00.H32	Hộ tịch	nt	nt
232	Đăng ký giám hộ có yếu tố nước ngoài	1.001669.000.00.00.H32	Hộ tịch	nt	nt
233	Đăng ký chấm dứt giám hộ có yếu tố nước ngoài	2.000756.000.00.00.H32	Hộ tịch	nt	nt
234	Thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch, xác định lại dân tộc	2.000748.000.00.00.H32	Hộ tịch	nt	nt
235	Ghi vào sổ hộ tịch việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	2.002189.000.00.00.H32	Hộ tịch	nt	nt
236	Thủ tục ghi vào Sổ hộ tịch việc ly hôn, hủy việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	2.000554.000.00.00.H32	Hộ tịch	nt	nt
237	Thủ tục ghi vào Sổ hộ tịch việc hộ tịch khác của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài (khai sinh; giám hộ; nhận cha, mẹ, con; xác định cha, mẹ, con; nuôi con nuôi; khai tử; thay đổi hộ tịch)	2.000547.000.00.00.H32	Hộ tịch	nt	nt
238	Đăng ký lại khai sinh có yếu tố nước ngoài	2.000522.000.00.00.H32	Hộ tịch	nt	nt
239	Đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân	1.000893.000.00.00.H32	Hộ tịch	nt	nt

TT	Thủ tục hành chính	Mã số TTHC trên Cổng dịch vụ công quốc gia	Lĩnh vực	Quyết định công bố danh mục TTHC của UBND tỉnh Khánh Hòa	Quyết định phê duyệt quy trình nội bộ trong giải quyết TTHC
240	Đăng ký lại kết hôn có yếu tố nước ngoài	2.000513.000.00.00.H32	Hộ tịch	nt	nt
241	Đăng ký lại khai tử có yếu tố nước ngoài	2.000497.000.00.00.H32	Hộ tịch	nt	nt
242	Cấp bản sao Trích lục hộ tịch	2.000635.000.00.00.H32	Hộ tịch	nt	nt
243	Ghi vào Sổ đăng ký nuôi con nuôi việc nuôi con nuôi đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	2.002363.000.00.00.H32	Hộ tịch	580/QĐ-UBND ngày 11/3/2021	941/QĐ-UBND ngày 14/4/2021
244	Cấp bản sao từ sổ gốc	2.000908.000.00.00.H32	Chứng thực	1530/QĐ-UBND ngày 01/6/2018	Chưa ban hành
245	Thủ tục chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam cấp hoặc chứng nhận	2.000815.000.00.00.H32	nt	2311/QĐ-UBND ngày 01/9/2020	3282/QĐ-UBND ngày 09/12/2020
246	Thủ tục chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận	2.000843.000.00.00.H32	nt	nt	3282/QĐ-UBND ngày 09/12/2020
247	Thủ tục chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không ký, không điểm chỉ được)	2.000884.000.00.00.H32	nt	nt	Chưa ban hành
248	Thủ tục chứng thực việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hợp đồng, giao dịch	2.000913.000.00.00.H32	nt	nt	3282/QĐ-UBND ngày 09/12/2020
249	Thủ tục sửa lỗi sai trong hợp đồng, giao dịch	2.000927.000.00.00.H32	nt	nt	3282/QĐ-UBND ngày 09/12/2020
250	Thủ tục cấp bản sao có chứng thực từ bản chính hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực	2.000942.000.00.00.H32	nt	nt	3282/QĐ-UBND ngày 09/12/2020
251	Thủ tục chứng thực chữ ký người dịch mà người dịch là cộng tác viên dịch thuật của Phòng Tư pháp	2.000992.000.00.00.H32	nt	2311/QĐ-UBND ngày 01/9/2020	3282/QĐ-UBND ngày 09/12/2020

TT	Thủ tục hành chính	Mã số TTHC trên Cổng dịch vụ công quốc gia	Lĩnh vực	Quyết định công bố danh mục TTHC của UBND tỉnh Khánh Hòa	Quyết định phê duyệt quy trình nội bộ trong giải quyết TTHC
252	Thủ tục chứng thực chữ ký người dịch mà người dịch không phải là cộng tác viên dịch thuật	2.001008.000.00.00.H32	nt	nt	3282/QĐ-UBND ngày 09/12/2020
253	Thủ tục chứng thực hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản là động sản	2.001044.000.00.00.H32	nt	nt	3282/QĐ-UBND ngày 09/12/2020
254	Thủ tục chứng thực văn bản thảo thuận phân chia di sản mà di sản là động sản	2.001050.000.00.00.H32	nt	nt	3282/QĐ-UBND ngày 09/12/2020
255	Thủ tục chứng thực văn bản khai nhận di sản mà di sản là động sản	2.001052.000.00.00.H32	nt	nt	3282/QĐ-UBND ngày 09/12/2020
256	Thủ tục thực hiện hỗ trợ khi hòa giải viên gặp tai nạn hoặc rủi ro ảnh hưởng đến sức khỏe, tính mạng trong khi thực hiện hoạt động hòa giải	2.000979.000.00.00.H32	Hòa giải cơ sở	2953/QĐ-UBND ngày 04/10/2018	Chưa ban hành
257	Thủ tục phục hồi danh dự	1.005462.000.00.00.H32	Bồi thường nhà nước	3271/QĐ-UBND 30/10/2018	147/QĐ-UBND 20/01/2020
258	Thủ tục giải quyết yêu cầu bồi thường tại cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại	2.002190.000.00.00.H32	nt	nt	nt
259	Thủ tục giải quyết tố cáo tại cấp huyện	2.002186.000.00.00.H32	Khiếu nại, tố cáo	3596/QĐ-UBND ngày 26/11/2019	1629/QĐ-UBND ngày 06/07/2020
260	Thủ tục xử lý đơn tại cấp huyện	2.001879.000.00.00.H32	nt	474/QĐ-UBND ngày 09/02/2018	1629/QĐ-UBND ngày 06/07/2020
261	Thủ tục giải quyết khiếu nại lần 2 tại cấp huyện	2.001920.000.00.00.H32	nt	nt	nt
262	Thủ tục giải quyết khiếu nại lần đầu tại cấp huyện	2.001927.000.00.00.H32	nt	nt	nt
263	Thủ tục tiếp công dân tại cấp huyện	2.002174.000.00.00.H32	nt	nt	nt
264	Thủ tục Thực hiện việc kê khai tài sản, thu nhập	2001790	Phòng, chống tham nhũng	nt	nt
265	Thủ tục Công khai bản kê khai tài sản, thu nhập	2001907	nt	nt	nt

TT	Thủ tục hành chính	Mã số TTHC trên Cổng dịch vụ công quốc gia	Lĩnh vực	Quyết định công bố danh mục TTHC của UBND tỉnh Khánh Hòa	Quyết định phê duyệt quy trình nội bộ trong giải quyết TTHC
266	Thủ tục Xác minh tài sản, thu nhập	2001905	nt	nt	nt
267	Thủ tục Tiếp nhận yêu cầu giải trình	2.001798	nt	nt	nt
268	Thủ tục Thực hiện việc giải trình	2.001797	nt	nt	nt
269	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm	1.002425	An toàn thực phẩm	1946/QĐ-UBND ngày 17/6/2019	2827/QĐ-UBND ngày 03/9/2019

DANH MỤC TTHC THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA UBND CẤP XÃ

T T	Thủ tục hành chính	Mã số TTHC trên Cổng dịch vụ công quốc gia	Lĩnh vực	Quyết định công bố danh mục TTHC của UBND tỉnh KH	Quyết định phê duyet quy trình nội bộ trong giải quyết TTHC
1.	Thông báo tổ chức quyên góp trong địa bàn một xã của cơ sở tín ngưỡng, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc	1.001167.000.00.00.H32	Tín ngưỡng, tôn giáo	932/QĐ-UBND ngày 06/4/2018	392/QĐ-UBND ngày 20/02/2020
2.	Thông báo về việc thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung	1.001156.000.00.00.H32	Tín ngưỡng, tôn giáo	nt	nt
3.	Đề nghị thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung đến địa bàn xã khác	1.001109.000.00.00.H32	Tín ngưỡng, tôn giáo	nt	nt
4.	Đề nghị thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung trong địa bàn một xã	1.001098.000.00.00.H32	Tín ngưỡng, tôn giáo	nt	nt
5.	Đăng ký thay đổi người đại diện của nhóm sinh hoạt tôn giáo tập trung	1.001090.000.00.00.H32	Tín ngưỡng, tôn giáo	nt	nt
6.	Thông báo danh mục hoạt động tôn giáo bổ sung đối với tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở một xã	1.001085.000.00.00.H32	Tín ngưỡng, tôn giáo	nt	nt
7.	Thông báo danh mục hoạt động tôn giáo đối với tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở một xã	1.001078.000.00.00.H32	Tín ngưỡng, tôn giáo	nt	nt
8.	Đăng ký sinh hoạt tôn giáo tập trung	1.001055.000.00.00.H32	Tín ngưỡng, tôn giáo	nt	nt
9.	Đăng ký bổ sung hoạt động tín ngưỡng	1.001028.000.00.00.H32	Tín ngưỡng, tôn giáo	nt	nt
10.	Đăng ký hoạt động tín ngưỡng	2.000509.000.00.00.H32	Tín ngưỡng, tôn giáo	nt	nt
11.	Công nhận người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số	1.004875.000.00.00.H32	Dân tộc	1401/QĐ-UBND ngày 23/5/2018	Chưa ban hành
12.	Đưa ra khỏi danh sách người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số	1.004888.000.00.00.H32	Dân tộc	nt	

T T	Thủ tục hành chính	Mã số TTHC trên Cổng dịch vụ công quốc gia	Lĩnh vực	Quyết định công bố danh mục TTHC của UBND tỉnh KH	Quyết định phê duyet quy trình nội bộ trong giải quyết TTHC
13.	Tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã về thành tích thực hiện nhiệm vụ chính trị	1.000775.000.00.00.H32	Thi đua, Khen thưởng	2403/QĐ-UBND ngày 22/8/2018	392/QĐ-UBND ngày 20/02/2020
14.	Tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã về thành tích thi đua theo đợt hoặc chuyên đề	2.000346.000.00.00.H32	Thi đua, Khen thưởng	nt	nt
15.	Tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã về thành tích đợt xuất	2.000337.000.00.00.H32	Thi đua, Khen thưởng	nt	nt
16.	Tặng giấy khen của chủ tịch UBND cấp xã cho gia đình	1.000748.000.00.00.H32	Thi đua, Khen thưởng	nt	nt
17.	Xét tặng danh hiệu Lao động tiên tiến	2.000305.000.00.00.H32	Thi đua, Khen thưởng	nt	nt
18.	Giải thể nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập	2.001810.000.00.00.H32	Giáo dục và đào tạo	1675/QĐ-UBND ngày 14/6/2018	Chưa ban hành
19.	Sáp nhập, chia, tách nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập	1.004485.000.00.00.H32	Giáo dục và đào tạo	2440/QĐ-UBND ngày 30/7/2019	469/QĐ-UBND ngày 05/3/2020
20.	Cho phép nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập hoạt động giáo dục trở lại	1.004443.000.00.00.H32	Giáo dục và đào tạo	nt	nt
21.	Thành lập nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập	1.004492.000.00.00.H32	Giáo dục và đào tạo	nt	nt
22.	Cho phép cơ sở giáo dục khác thực hiện chương trình giáo dục tiểu học	1.004441.000.00.00.H32	Giáo dục và đào tạo	nt	nt
23.	Xác nhận vào đơn đề nghị di chuyển hài cốt liệt sĩ; đơn đề nghị thăm viếng mộ liệt sĩ	2.001382.000.00.00.H32	Người có công	2128/QĐ-UBND ngày 26/7/2018	Chưa ban hành
24.	Ủy quyền hưởng trợ cấp, phụ cấp ưu đãi	1.003337.000.00.00.H32	Người có công	nt	nt
25.	Xác định hộ gia đình làm nông nghiệp, lâm nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2016 – 2020 thuộc diện đối tượng được	2.000602.000.00.00.H32	Bảo trợ xã hội	874/QĐ-UBND ngày 04/4/2018	nt

T T	Thủ tục hành chính	Mã số TTHC trên Cổng dịch vụ công quốc gia	Lĩnh vực	Quyết định công bố danh mục TTHC của UBND tỉnh KH	Quyết định phê duyet quy trình nội bộ trong giải quyết TTHC
	ngân sách nhà nước hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế				
26.	Xác định, xác định lại mức độ khuyết tật và cấp Giấy xác nhận khuyết tật	1.001699.000.00.00.H32	Bảo trợ xã hội	1740/QĐ-UBND ngày 05/6/2019	2194/QĐ-UBND ngày 01/7/2019
27.	Đổi, cấp lại giấy xác nhận khuyết tật	1.001653.000.00.00.H32	Bảo trợ xã hội	nt	nt
28.	Trợ giúp xã hội đột xuất về hỗ trợ làm nhà ở, sửa chữa nhà ở	2.000751.000.00.00.H32	Bảo trợ xã hội	874/QĐ-UBND ngày 04/4/2018	Chưa ban hành
29.	Trợ giúp xã hội đột xuất về hỗ trợ chi phí mai táng	2.000744.000.00.00.H32	Bảo trợ xã hội	nt	nt
30.	Đăng ký hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội dưới 10 đối tượng có hoàn cảnh khó khăn	2.000355.000.00.00.H32	Bảo trợ xã hội	383/QĐ-UBND ngày 01/02/2018	nt
31.	Giải quyết chế độ trợ cấp một lần đối với người được cử làm chuyên gia sang giúp Lào, Căm-pu-chia	1.004964.000.00.00.H32	Cho thuê lại lao động	1602/QĐ-UBND ngày 06/6/2018	nt
32.	Công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo phát sinh trong năm	1.000506.000.00.00.H32	Giảm nghèo	83/QĐ-UBND ngày 09/01/2019	nt
33.	Công nhận hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo trong năm	1.000489.000.00.00.H32	Giảm nghèo	nt	nt
34.	Áp dụng các biện pháp can thiệp khẩn cấp hoặc tạm thời cách ly trẻ em khỏi môi trường hoặc người gây tổn hại cho trẻ em	1.004946	Bảo vệ chăm sóc trẻ em	1067/QĐ-UBND ngày 20/4/2018	nt
35.	Phê duyệt kế hoạch hỗ trợ, can thiệp đối với trẻ em bị xâm hại hoặc có nguy cơ bị bạo lực, bóc lột, bỏ rơi và trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt	2.001947.000.00.00.H32	Bảo vệ chăm sóc trẻ em	nt	nt
36.	Đăng ký nhận chăm sóc thay thế cho trẻ em đối với cá nhân, người đại diện gia đình nhận chăm sóc thay thế không phải là người thân thích của	1.004941.000.00.00.H32	Bảo vệ chăm sóc trẻ em	nt	nt

T T	Thủ tục hành chính	Mã số TTHC trên Cổng dịch vụ công quốc gia	Lĩnh vực	Quyết định công bố danh mục TTHC của UBND tỉnh KH	Quyết định phê duyet quy trình nội bộ trong giải quyết TTHC
	trẻ em.				
37.	Thông báo nhận chăm sóc thay thế cho trẻ em đối với cá nhân, người đại diện gia đình nhận chăm sóc thay thế là người thân thích của trẻ em	2.001944.000.00.00.H32	Bảo vệ chăm sóc trẻ em	nt	nt
38.	Chấm dứt việc chăm sóc thay thế cho trẻ em	1.004944	Bảo vệ chăm sóc trẻ em	2128/QĐ-UBND ngày 26/7/2018	nt
39.	Chuyển trẻ em đang được chăm sóc thay thế tại cơ sở trợ giúp xã hội đến cá nhân, gia đình nhận chăm sóc thay thế	2.001942.000.00.00.H32	Bảo vệ chăm sóc trẻ em	nt	nt
40.	Quyết định quản lý cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình	1.000132.000.00.00.H32	Phòng, chống TNXH	3570/QĐ-UBND ngày 27/11/2017	nt
41.	Quyết định cai nghiện ma túy tự nguyện tại cộng đồng	1.003521.000.00.00.H32	Phòng, chống TNXH	nt	nt
42.	Đăng ký khai sinh	1.001193.000.00.00.H32	Hộ tịch	2880/QĐ-UBND ngày 21/10/2020	3378/QĐ-UBND ngày 18/12/2020
43.	Đăng ký kết hôn	1.000894.000.00.00.H32	Hộ tịch	nt	nt
44.	Đăng ký nhận cha, mẹ, con	1.001022.000.00.00.H32	Hộ tịch	nt	nt
45.	Đăng ký khai sinh kết hợp đăng ký nhận cha, mẹ, con	1.000689.000.00.00.H32	Hộ tịch	nt	nt
46.	Đăng ký khai tử	1.000656.000.00.00.H32	Hộ tịch	nt	nt
47.	Đăng ký khai sinh lưu động	1.003583.000.00.00.H32	Hộ tịch	nt	nt
48.	Đăng ký kết hôn lưu động	1.000593.000.00.00.H32	Hộ tịch	nt	nt
49.	Đăng ký khai tử lưu động	1.000419.000.00.00.H32	Hộ tịch	nt	nt
50.	Đăng ký giám hộ	1.004837.000.00.00.H32	Hộ tịch	nt	nt
51.	Đăng ký chấm dứt giám hộ	1.004845.000.00.00.H32	Hộ tịch	nt	nt

T T	Thủ tục hành chính	Mã số TTHC trên Cổng dịch vụ công quốc gia	Lĩnh vực	Quyết định công bố danh mục TTHC của UBND tỉnh KH	Quyết định phê duyet quy trình nội bộ trong giải quyết TTHC
52.	Thay đổi, cải chính hộ tịch cho người dưới 14 tuổi, bổ sung hộ tịch	1.004859.000.00.00.H32	Hộ tịch	nt	nt
53.	Cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân	1.004873.000.00.00.H32	Hộ tịch	nt	nt
54.	Đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân	1.004772.000.00.00.H32	Hộ tịch	nt	nt
55.	Đăng ký lại khai sinh	1.004884.000.00.00.H32	Hộ tịch	nt	nt
56.	Đăng ký lại kết hôn	1.004746.000.00.00.H32	Hộ tịch	nt	nt
57.	Đăng ký lại khai tử	1.005461.000.00.00.H32	Hộ tịch	nt	nt
58.	Cấp bản sao trích lục hộ tịch	2.000635.000.00.00.H32	Hộ tịch	nt	nt
59.	Cấp bản sao từ sổ gốc	2.000908.000.00.00.H32	Chứng thực	1530/QĐ-UBND ngày 01/6/2018	Chưa ban hành
60.	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam cấp hoặc chứng nhận	2.000815.000.00.00.H32	Chứng thực	2311/QĐ-UBND Ngày 01/9/2020	3282/QĐ-UBND ngày 09/12/2020
61.	Chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không ký, không điểm chỉ được)	2.000884.000.00.00.H32	Chứng thực	nt	nt
62.	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận	2.000843	Chứng thực	nt	nt
63.	Chứng thực việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hợp đồng, giao dịch	2.000913.000.00.00.H32	Chứng thực	nt	nt
64.	Sửa lỗi sai sót trong hợp đồng giao dịch	2.000927.000.00.00.H32	Chứng thực	nt	nt

T T	Thủ tục hành chính	Mã số TTHC trên Cổng dịch vụ công quốc gia	Lĩnh vực	Quyết định công bố danh mục TTHC của UBND tỉnh KH	Quyết định phê duyet quy trình nội bộ trong giải quyết TTHC
65.	Cấp bản sao có chứng thực từ bản chính hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực	2.000942.000.00.00.H32	Chứng thực	nt	nt
66.	Chứng thực hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở	2.001035.000.00.00.H32	Chứng thực	nt	nt
67.	Chứng thực di chúc	2.001019.000.00.00.H32	Chứng thực	nt	nt
68.	Chứng thực văn bản từ chối nhận di sản	2.001016.000.00.00.H32	Chứng thực	nt	nt
69.	Chứng thực văn bản thỏa thuận phân chia di sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở	2.001406.000.00.00.H32	Chứng thực	nt	nt
70.	Chứng thực văn bản khai nhận di sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở	2.001009.000.00.00.H32	Chứng thực	nt	nt
71.	Đăng ký việc nuôi con nuôi trong nước	2.001263.000.00.00.H32	Nuôi con nuôi	581/QĐ-UBND ngày 11/3/2021	940/QĐ-UBND ngày 14/4/2021
72.	Đăng ký lại việc nuôi con nuôi trong nước	2.001255.000.00.00.H32	Nuôi con nuôi	581/QĐ-UBND ngày 11/3/2021	940/QĐ-UBND ngày 14/4/2021
73.	Giải quyết yêu cầu bồi thường tại cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại	2.002165.000.00.00.H32	Bồi thường nhà nước	3272/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	nt
74.	Cho thôi làm tuyên truyền viên pháp luật	2.001449.000.00.00.H32	Phổ biến, GDPL	316/QĐ-UBND ngày 26/01/2018	nt
75.	Công nhận tuyên truyền viên pháp luật	2.001457.000.00.00.H32	Phổ biến, GDPL	nt	nt
76.	Công nhận hòa giải viên	2.000373.000.00.00.H32	Hòa giải cơ sở	2954/QĐ-UBND ngày 04/10/2018	nt
77.	Công nhận Tổ trưởng tổ hòa giải	2.000333.000.00.00.H32	Hòa giải cơ sở	nt	nt
78.	Thôi làm hòa giải viên	2.000930.000.00.00.H32	Hòa giải cơ sở	nt	nt
79.	Thanh toán thù lao cho hòa giải viên	2.002080.000.00.00.H32	Hòa giải cơ sở	nt	nt
80.	Cấp giấy chứng sinh đối với trường hợp trẻ được	1.002192.000.00.00.H32	Dân số	2878/QĐ-UBND	3171/QĐ-UBND

T T	Thủ tục hành chính	Mã số TTHC trên Cổng dịch vụ công quốc gia	Lĩnh vực	Quyết định công bố danh mục TTHC của UBND tỉnh KH	Quyết định phê duyet quy trình nội bộ trong giải quyết TTHC
	sinh ra ngoài cơ sở khám bệnh, chữa bệnh nhưng được cán bộ y tế hoặc cô đỡ thôn bản đỡ đẻ			ngày 21/10/2020	ngày 26/11/2020
81.	Thủ tục thông báo thành lập thư viện đối với thư viện cộng đồng	1.008901.000.00.00.H32	Thư viện	181/QĐ-UBND ngày 19/01/2021	519/QĐ-UBND ngày 04/3/2021
82.	Thủ tục thông báo sáp nhập, hợp nhất, chia, tách thư viện đối với thư viện cộng đồng	1.008902.000.00.00.H32	Thư viện	181/QĐ-UBND ngày 19/01/2021	519/QĐ-UBND ngày 04/3/2021
83.	Thủ tục thông báo chấm dứt hoạt động thư viện cộng đồng	1.008903.000.00.00.H32	Thư viện	181/QĐ-UBND ngày 19/01/2021	519/QĐ-UBND ngày 04/3/2021
84.	Công nhận câu lạc bộ thể thao cơ sở	2.000794.000.00.00.H32	Thể thao	181/QĐ-UBND ngày 19/01/2021	519/QĐ-UBND ngày 04/3/2021
85.	Xét tặng danh hiệu Gia đình văn hóa hàng năm	1.000954.000.00.00.H32	Văn hóa cơ sở	181/QĐ-UBND ngày 19/01/2021	519/QĐ-UBND ngày 04/3/2021
86.	Xét tặng giấy khen Gia đình văn hóa	1.001120.000.00.00.H32	Văn hóa cơ sở	181/QĐ-UBND ngày 19/01/2021	519/QĐ-UBND ngày 04/3/2021
87.	Thông báo tổ chức lễ hội	1.003622.000.00.00.H32	Lễ hội	181/QĐ-UBND ngày 19/01/2021	519/QĐ-UBND ngày 04/3/2021
88.	Xác nhận hợp đồng tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích	1.004082.000.00.00.H32	Khoa học công nghệ và Môi trường	2678 ngày 05/10/2020	Chưa ban hành
89.	Nhận hỗ trợ đầu tư xây dựng phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước (đối với nguồn vốn hỗ trợ trực tiếp, ngân sách địa phương và nguồn vốn phợp pháp khác của địa phương phân bổ dự toán cho UBND cấp xã thực hiện)	2.001621.000.00.00.H32	Thủy lợi	2841/QĐ-UBND ngày 25/9/2018	nt
90.	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp thuộc thẩm quyền của	1.003440.000.00.00.H32	Thủy lợi	341/QĐ-UBND ngày 30/01/2019	nt

T T	Thủ tục hành chính	Mã số TTHC trên Cổng dịch vụ công quốc gia	Lĩnh vực	Quyết định công bố danh mục TTHC của UBND tỉnh KH	Quyết định phê duyet quy trình nội bộ trong giải quyết TTHC
	UBND xã				
91.	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạ du đập trong quá trình thi công thuộc thẩm quyền của UBND xã	1.003446.000.00.00.H32	Thủy lợi	nt	nt
92.	Phê duyệt kế hoạch khuyến nông địa phương	1.003596.000.00.00.H32	Nông nghiệp	985/QĐ-UBND ngày 08/4/2019	nt
93.	Đăng ký kê khai số lượng chăn nuôi tập trung và nuôi trồng thủy sản ban đầu	2.002163.000.00.00.H32	Phòng, chống thiên tai	3185/QĐ-UBND ngày 15/10/2019	nt
94.	Hỗ trợ khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do dịch bệnh	2.002162.000.00.00.H32	Phòng, chống thiên tai	nt	nt
95.	Hỗ trợ khôi phục sản xuất vùng thiệt hại do thiên tai	2.002161.000.00.00.H32	Phòng, chống thiên tai	nt	nt
96.	Chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa	1.008004.000.00.00.H32	Trồng trọt	402/QĐ-UBND ngày 21/02/2020	954/QĐ-UBND ngày 27/4/2020
97.	Xét hưởng chính sách hỗ trợ cho đối tượng sinh con đúng chính sách dân số	1.005364.000.00.00.H32	DS&KHHGĐ	1947/QĐ-UBND ngày 17/6/2019	3667/QĐ-UBND ngày 04/12/2019
98.	Cấp giấy chứng sinh cho trường hợp trẻ em được sinh ra tại nhà hoặc tại nơi khác mà không phải là cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	1.002192.000.00.00.H32	DS&KHHGĐ	3094/QĐ-UBND ngày 18/10/2018	Chưa ban hành
99.	Cấp lại giấy chứng sinh đối với trường hợp bị mất hoặc hư hỏng	1.002150.000.00.00.H32	DS&KHHGĐ	nt	nt
100.	Cấp lại giấy chứng sinh đối với trường hợp bị nhầm lẫn khi ghi chép Giấy chứng sinh	1.003564.000.00.00.H32	DS&KHHGĐ	nt	nt
101.	Thủ tục đăng ký và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu (trường hợp nộp hồ sơ tại	Không có	Đất đai	Chưa ban hành	1590/QĐ-UBND ngày 23/5/2019

T T	Thủ tục hành chính	Mã số TTHC trên Cổng dịch vụ công quốc gia	Lĩnh vực	Quyết định công bố danh mục TTHC của UBND tỉnh KH	Quyết định phê duyet quy trình nội bộ trong giải quyết TTHC
	Bộ phận Một cửa xã)				
102.	Đăng ký quyền sử dụng đất lần đầu (trường hợp nộp hồ sơ tại Bộ phận Một cửa xã)	Không có	Đất đai	nt	nt
103.	Thủ tục đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu đối với tài sản gắn liền với đất mà chủ sở hữu không đồng thời là người sử dụng đất (trường hợp nộp hồ sơ tại Bộ phận Một cửa xã)	Không có	Đất đai	nt	nt
104.	Thủ tục đăng ký thay đổi bổ sung tài sản gắn liền với đất vào Giấy chứng nhận đã cấp (trường hợp nộp hồ sơ tại Bộ phận Một cửa xã)	Không có	Đất đai	nt	nt
105.	Hòa giải tranh chấp đất đai	1.003554.000.00.00.H32	Đất đai	301/QĐ-UBND ngày 26/01/2018	2039/QĐ-UBND Ngày 07/8/2020
106.	Tiếp công dân tại cấp xã	2.001909.000.00.00.H32	Khiếu nại, Tố cáo	475/QĐ-UBND ngày 09/02/2018	1423/QĐ-UBND Ngày 18/6/2020
107.	Xử lý đơn tại cấp xã	2.001801.000.00.00.H32	Khiếu nại, Tố cáo	475/QĐ-UBND ngày 09/02/2018	nt
108.	Giải quyết khiếu nại lần đầu tại cấp xã	2.001925.000.00.00.H32	Khiếu nại, Tố cáo	475/QĐ-UBND ngày 09/02/2018	nt
109.	Giải quyết tố cáo tại cấp xã	1.005460.000.00.00.H32	Khiếu nại, Tố cáo	3597/QĐ-UBND ngày 26/11/2019	nt
110.	Thực hiện việc kê khai tài sản, thu nhập	2.001790	Phòng, chống tham nhũng	1134/QĐ-UBND ngày 27/4/2021	Chưa ban hành
111.	Công khai bản kê khai tài sản, thu nhập	2.001907.000.00.00.H32	Phòng, chống tham nhũng	475/QĐ-UBND ngày 09/02/2018	nt

T T	Thủ tục hành chính	Mã số TTHC trên Cổng dịch vụ công quốc gia	Lĩnh vực	Quyết định công bố danh mục TTHC của UBND tỉnh KH	Quyết định phê duyet quy trình nội bộ trong giải quyết TTHC
112.	Tiếp nhận yêu cầu giải trình	2.001798.000.00.00.H32	Phòng, chống tham nhũng	1134/QĐ-UBND ngày 27/4/2021	nt
113.	Thực hiện việc giải trình	2.001797.000.00.00.H32	Phòng, chống tham nhũng	1134/QĐ-UBND ngày 27/4/2021	nt
114.	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp phương tiện thay đổi tên, tính kỹ thuật	2.001711.000.00.00.H32	Đường thủy nội địa	2853/QĐ-UBND Ngày 20/10/2020	nt
115.	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện nhưng không thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện	1.004002.000.00.00.H32	Đường thủy nội địa	nt	nt
116.	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký phương tiện	1.003930.000.00.00.H32	Đường thủy nội địa	nt	nt
117.	Xóa giấy chứng nhận đăng ký phương tiện	2.001659.000.00.00.H32	Đường thủy nội địa	nt	nt
118.	Đăng ký phương tiện lần đầu đối với phương tiện chưa khai thác trên đường thủy nội địa	1.004088.000.00.00.H32	Đường thủy nội địa	nt	nt
119.	Đăng ký lần đầu đối với phương tiện đang khai thác trên đường thủy nội địa	1.004047.000.00.00.H32	Đường thủy nội địa	nt	nt
120.	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển từ cơ quan đăng ký khác sang cơ quan đăng ký phương tiện thủy nội địa	1.004036.000.00.00.H32	Đường thủy nội địa	nt	nt
121.	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện đồng thời thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện	1.003970.000.00.00.H32	Đường thủy nội địa	nt	nt
122.	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chủ phương tiện thay đổi trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của chủ phương tiện sang đơn vị hành chính cấp tỉnh khác	1.006391	Đường thủy nội địa	nt	nt

T T	Thủ tục hành chính	Mã số TTHC trên Cổng dịch vụ công quốc gia	Lĩnh vực	Quyết định công bố danh mục TTHC của UBND tỉnh KH	Quyết định phê duyet quy trình nội bộ trong giải quyết TTHC
123.	Phê duyệt đối tượng được hỗ trợ phí bảo hiểm nông nghiệp	1.005412.000.00.00.H32	Bảo hiểm	3251/QĐ-UBND ngày 24/10/2019	nt
124.	Thông báo thành lập tổ hợp tác	2.002226.000.00.00.H32	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác	101/QĐ-UBND ngày 14/01/2020	3073/QĐ-UBND Ngày 12/11/2020
125.	Thông báo thay đổi tổ hợp tác	2.002227.000.00.00.H32	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác	nt	nt
126.	Thông báo chấm dứt tổ hợp tác	2.002228.000.00.00.H32	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác	nt	nt
127.	Liên thông các thủ tục hành chính: Đăng ký khai sinh, đăng ký thường trú, cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi	2.000986.000.00.00.H32	Liên thông các TTHC	1187/QĐ-UBND ngày 27/4/2017	chưa ban hành
128.	Liên thông các thủ tục hành chính: Thủ tục đăng ký khai sinh, cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi	2.001023.000.00.00.H32	Liên thông các TTHC	nt	nt
129.	Liên thông thủ tục đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú, hưởng chế độ tử tuất (trợ cấp tuất và trợ cấp mai táng) hỗ trợ chi phí mai táng/ hưởng mai táng phí	Không có	Liên thông các TTHC	147/QĐ-UBND ngày 14/01/2019	710/QĐ-UBND ngày 13/3/2019
130.	Liên thông thủ tục đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú, hưởng mai táng phí đối với đối tượng người có công với cách mạng từ trần	Không có	Liên thông các TTHC	nt	nt
131.	Liên thông thủ tục đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú, hỗ trợ chi phí mai táng cho đối tượng bảo trợ xã hội (được trợ giúp xã hội thường xuyên tại cộng đồng)	Không có	Liên thông các TTHC	nt	nt
132.	Liên thông thủ tục đăng ký khai tử, xóa đăng ký	Không có			nt

T T	Thủ tục hành chính	Mã số TTHC trên Cổng dịch vụ công quốc gia	Lĩnh vực	Quyết định công bố danh mục TTHC của UBND tỉnh KH	Quyết định phê duyet quy trình nội bộ trong giải quyết TTHC
	thường trú, hưởng mai táng phí đối với đối tượng thân nhân liệt sĩ đang hưởng trợ cấp hàng tháng; người trực tiếp tham gia kháng chiến chống mỹ cứu nước nhưng chưa được hưởng chính sách của Đảng, nhà nước theo 290/2005/Quyết định-TTg ngày 08/11/2005, 188/2007/Quyết định-TTg ngày 06/12/2007		Liên thông các TTHC	nt	
133.	Liên thông thủ tục đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú, hưởng mai táng phí đối với đối tượng thực hiện theo Nghị định số 150/2006/NĐCP ngày 12/12/2006 hướng dẫn thi hành một số điều của pháp lệnh cừu chiến binh	Không có	Liên thông các TTHC	nt	nt
134.	liên thông thủ tục đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú, hưởng mai táng phí đối với đối tượng hưởng trợ cấp theo 62/2011/Quyết định-TTg ngày 9/11/2011 về chế độ, chính sách đối với đối tượng tham gia chiến tranh bảo vệ tổ quốc, làm nhiệm vụ quốc tế ở Cam-pu-chia-a, giúp bạn Lào sau ngày 30/4/1975 đã phục viên, xuất ngũ, thôi việc	Không có	Liên thông các TTHC	nt	nt
135.	liên thông thủ tục đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú, hưởng mai táng phí đối với đối tượng hưởng trợ cấp theo 49/2015/Quyết định-TTg ngày 14/10/2015 của Thủ tướng Chính phủ về một số chế độ, chính sách đối với dân công hỏa tuyến tham gia kháng chiến chống pháp, chống mỹ, chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nghĩa vụ quốc tế	Không có	Liên thông các TTHC	nt	nt

T T	Thủ tục hành chính	Mã số TTHC trên Cổng dịch vụ công quốc gia	Lĩnh vực	Quyết định công bố danh mục TTHC của UBND tỉnh KH	Quyết định phê duyet quy trình nội bộ trong giải quyết TTHC
136.	Liên thông Trường hợp xóa đăng ký thường trú thuộc thẩm quyền giải quyết của công an cấp huyện	Không có	Liên thông các TTHC	nt	nt
137.	Liên thông Trường hợp xóa đăng ký thường trú thuộc thẩm quyền giải quyết của công an cấp xã.	Không có	Liên thông các TTHC	nt	nt
138.	Liên thông thủ tục đăng ký khai tử, hưởng chế độ tử tuất (trợ cấp tuất và trợ cấp mai táng)	Không có	Liên thông các TTHC	nt	nt
139.	Liên thông thủ tục đăng ký khai tử, hưởng mai táng phí đối với đối tượng người có công cách mạng tử trần.	Không có	Liên thông các TTHC	nt	nt
140.	Liên thông thủ tục đăng ký khai tử, hỗ trợ chi phí mai táng cho đối tượng bảo trợ xã hội (được trợ giúp xã hội thường xuyên tại cộng đồng)	Không có	Liên thông các TTHC	nt	nt
141.	Liên thông thủ tục đăng ký khai tử, hưởng mai táng phí đối với đối tượng thân nhân liệt sĩ đang hưởng trợ cấp hàng tháng; người trực tiếp tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước nhưng chưa được hưởng chính sách của Đảng, nhà nước theo 290/2005/Quyết định-TTg ngày 08/11/2005, 188/2007/Quyết định-TTg ngày 06/12/2007	Không có	Liên thông các TTHC	nt	nt
142.	Liên thông thủ tục đăng ký khai tử, hưởng mai táng phí đối với đối tượng thực hiện theo Nghị định số 150/2006/NĐ-CP ngày 12/12/2006 hướng dẫn thi hành một số điều của pháp lệnh cựu chiến binh.	Không có	Liên thông các TTHC	nt	nt
143.	Liên thông thủ tục đăng ký khai tử, hưởng mai táng phí đối với đối tượng hưởng trợ cấp theo	Không có	Liên thông các TTHC	nt	

T T	Thủ tục hành chính	Mã số TTHC trên Cổng dịch vụ công quốc gia	Lĩnh vực	Quyết định công bố danh mục TTHC của UBND tỉnh KH	Quyết định phê duyet quy trình nội bộ trong giải quyết TTHC
	62/2011/Quyết định-TTg ngày 09/11/2011 về chế độ, chính sách đối với đối tượng tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ Quốc, làm nhiệm vụ quốc tế ở Căm – pu-chi-a, giúp bạn Lào sau ngày 30/4/1975 đã phục viên, xuất ngũ, thôi việc.				nt
144.	Liên thông thủ tục đăng ký khai tử, hưởng mai táng phí đối với đối tượng hưởng trợ cấp theo Quyết định 49/2015/Quyết định-TTg ngày 14/10/2015 của Thủ tướng Chính phủ về một số chế độ, chính sách đối với dân hòa tuyến tham gia kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ, chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nghĩa vụ quốc tế.	Không có	Liên thông các TTHC	nt	nt
145.	Tách sổ hộ khẩu	1.004214	Đăng ký, quản lý cư trú	5551/QĐ-BCA-V19 ngày 25/9/2015	Chưa ban hành
146.	Cấp lại sổ hộ khẩu	1.003828	Đăng ký, quản lý cư trú	nt	nt
147.	Cấp giấy chuyển hộ khẩu	1.003182	Đăng ký, quản lý cư trú	nt	nt
148.	Xóa đăng ký thường trú	1.003197	Đăng ký, quản lý cư trú	nt	nt
149.	Xác nhận việc trước đây đã đăng Ký thường trú	1.004196	Đăng ký, quản lý cư trú	nt	nt
150.	Cấp đổi sổ tạm trú	1.004192	Đăng ký, quản lý cư trú	nt	nt
151.	Lưu trú và tiếp nhận lưu trú	2.001159	Đăng ký, quản lý cư trú	nt	nt

T T	Thủ tục hành chính	Mã số TTHC trên Cổng dịch vụ công quốc gia	Lĩnh vực	Quyết định công bố danh mục TTHC của UBND tỉnh KH	Quyết định phê duyet quy trình nội bộ trong giải quyết TTHC
152.	Khai báo tạm vắng	1.003677	Đăng ký, quản lý cư trú	nt	nt
153.	Đăng ký thường trú	1.004222	Đăng ký, quản lý cư trú	nt	nt
154.	Đăng ký tạm trú	1.004194	Đăng ký, quản lý cư trú	nt	nt
155.	Điều chỉnh những thông tin thay đổi trong sổ hộ khẩu	1.001170	Đăng ký, quản lý cư trú	nt	nt
156.	Cấp đổi sổ hộ khẩu	2.001764	Đăng ký, quản lý cư trú	nt	nt
157.	Hủy bỏ kết quả đăng ký thường trú trái pháp luật	2.002086	Đăng ký, quản lý cư trú	nt	nt
158.	Điều chỉnh những thay đổi trong sổ tạm trú	1.003706	Đăng ký, quản lý cư trú	nt	nt
159.	Hủy bỏ kết quả đăng ký tạm trú trái pháp luật	1.001126	Đăng ký, quản lý cư trú	nt	nt
160.	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình vùng hạ du đập thủy điện thuộc thẩm quyền giải phê duyệt của UBND cấp xã	2.000206.000.00.00.H32	An toàn đập, hồ chứa thủy điện	1521/QĐ-UBND ngày 25/6/2020	3550/QĐ-UBND ngày 30/12/2020
161.	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp hồ chứa thủy điện thuộc thẩm quyền giải phê duyệt của UBND cấp xã	2.000184.000.00.00.H32	An toàn đập, hồ chứa thủy điện	1521/QĐ-UBND ngày 25/6/2020	3550/QĐ-UBND ngày 30/12/2020